

**KINH TỶ-KHEO NA-TIÊN**  
Đoàn Trung Còn - Nguyễn Minh  
Tiên dịch và chú giải - Nguyễn  
Minh Hiền hiệu đính

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

QUYỀN THƯỢNG.

I. DUYÊN KHỞI

II. XUẤT SANH

III. CHỨNG ĐẠO

IV. ĐỘ SANH

V. HỘI NGỘ

VI. THỈNH VẤN

VII. VẤN ĐÁP

1. MỤC ĐÍCH XUẤT GIA

2. TÁI SANH

3. CÁC ĐIỀU LÀNH

4. HIỆU THUẬN

5. TINH TẤN
6. NHỚ NGHĨ ĐIỀU LÀNH
7. NHẤT TÂM
8. TRÍ TUỆ
9. CÔNG NĂNG CỦA CÁC ĐIỀU LÀNH
10. AI TÁI SANH
11. KHÔNG CÒN TÁI SANH
12. TRÍ TUỆ CỦA NGƯỜI ĐẮC ĐẠO
13. NĂM TÂM LÀNH

## QUYỂN TRUNG.

### I. CÁC VẤN ĐỀ VỀ TÂM THỨC

1. CẢM XÚC VÀ SỰ KHỔ, VUI
2. SAU KHI CHẾT
3. NGUYÊN NHÂN TÁI SANH
4. DANH VÀ THÂN
5. VÒNG TRÒN SANH TỬ
6. CỘI NGUỒN SANH TỬ
7. NHÂN DUYÊN SANH
8. BẢN NGÃ

9. CĂN VÀ THỨC
10. XÚC NHẬP
11. LẠC THỌ
12. HIỂU RÕ VÀ NHẬN BIẾT
13. TƯ TƯỞNG
14. SỰ RUNG ĐỘNG TRONG LÒNG
15. PHÂN BIỆT
16. CĂN VÀ TRẦN

## II. SANH TỬ VÀ NIẾT BÀN

1. NGHIỆP QUẢ SAI BIỆT
  2. NÊN SỚM LÀM VIỆC THIỆN
  3. ĐỊA NGỤC
  4. NIẾT-BÀN
  5. AI NHẬP NIẾT-BÀN
  6. VÌ SAO BIẾT NIẾT-BÀN LÀ VUI?
  7. VÌ SAO BIẾT CÓ PHẬT?
  8. NGƯỜI ĐẮC ĐẠO CÓ KHỔ HAY KHÔNG?
  9. ĐẮC ĐẠO VÀ NHẬP NIẾT BÀN
- QUYỀN HẠ.**

## I. VIỆC LÀM VÀ NHÂN QUẢ

1. KHÔNG AI HƠN PHẬT
2. LÀM THEO KINH PHẬT
3. SAU KHI CHẾT
4. NHÂN QUẢ NỐI TIẾP
5. DỰ TRỊ NHÂN QUẢ

## II. PHẬT VÀ ĐỆ TỬ

1. PHẬT ĐANG Ở ĐÂU?
2. TỰ YÊU MẾN THÂN THỂ
3. PHẬT KHÔNG GIỐNG THỂ GIAN
4. NGUY BIỆN
5. AI LÀ THẦY CỦA PHẬT

## III. TU TẬP VÀ GIẢI THOÁT

1. HAI GIỌT LỆ
2. NGƯỜI ĐƯỢC GIẢI THOÁT
3. TRÍ NHỚ
4. PHÁT KHỞI TRÍ NHỚ
5. ĐỘ NGƯỜI CŨNG NHƯ TRỊ BỆNH
6. THUYỀN CHỖ ĐÁ
7. VÌ SAO PHẢI LO TU HÀNH

8. SỰ HÓA HIỆN CỦA TÂM THỨC
9. NHÂN DUYÊN HIỂU ĐẠO
10. THIÊN ÁC VÀ TỘI PHƯỚC
11. NGƯỜI ĐẮC ĐẠO VÀ CÁC VIỆC  
LẠ
12. NGỪNG HỜI THỞ
13. TRÍ TUỆ CỦA NGƯỜI ĐẮC ĐẠO

## IV. ĐOẠN KẾT

### LỜI NÓI ĐẦU

Kinh Tỳ-kheo Na-tiên còn có tên là Kinh Di-lan-đà vấn đạo, là một quyển kinh rất có giá trị trong Phật học. Thật ra đây không phải là kinh do Phật thuyết, mà là một tập sách được soạn ra về sau này, khoảng thế kỷ thứ nhất hoặc thứ hai Dương lịch.

Sách này đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Bản chữ Hán lấy tựa là Na-tiên tỳ-kheo

kinh, xuất hiện vào khoảng đời Đông Tấn, đã mất tên người dịch. Bản tiếng Pháp lấy tựa là Milinda-panha, tức là Vua Di-lan-đà hỏi đạo. Cả hai bản này đều đã được dịch sang tiếng Pháp.

Trước đây, cư sĩ Đoàn Trung Còn có dịch sách này sang tiếng Việt, sử dụng hai bản tiếng Pháp nói trên. Hiện nay chúng tôi không có 2 bản tiếng Pháp mà ông đã sử dụng, nhưng khi thực hiện việc dịch kinh này từ bản chữ Hán, chúng tôi đã sử dụng bản dịch của ông như một nguồn tham khảo. Chúng tôi cũng cố gắng trình bày cả bản chữ Hán ở đây để quý vị tiện việc đối chiếu, tham khảo.

Về mặt văn bản, kinh Tỳ-kheo Na-tiên được đưa vào Đại tạng kinh, hiện còn thấy có 2 bản. Bản đánh số 1670B (phân làm 3 quyển: Thượng, Trung, Hạ) và bản đánh

số 1670A (phân làm 2 quyển: Thượng, Hạ). Tuy nhiên, rất may là nội dung hai bản không khác biệt nhiều. Bản 1670A ngắn hơn, nên không có một số đoạn thấy ghi trong bản 1670B, và có một số đoạn hành văn có khác biệt, nhưng không có sự khác biệt nào gọi nên nghi vấn về mặt nghĩa kinh. Vì thế, chúng tôi quyết định chọn sử dụng bản 1670B, là bản có nội dung đầy đủ hơn. Về các tiêu mục trong bản dịch là do chúng tôi căn cứ vào nội dung mà phân ra và đặt thêm các tiêu đề để độc giả tiện việc theo dõi.

Trong khi chuyển dịch sang tiếng Việt, chúng tôi có tham khảo cả 2 bản, nhưng chỉ in kèm theo đây bản 1670B được giữ nguyên vẹn, không thực hiện bất cứ sự chỉnh sửa nào. Do lối văn cổ, độc giả có

thể sẽ thấy câu văn có phần rườm rà, thiếu gãy gọn và hơi tối nghĩa.

Tác phẩm này có vẻ như được ghi chép lại từ những gì đã được truyền miệng vào thời đó. Vì vậy, chúng ta không lấy làm lạ khi về sau có nhiều dị bản khác biệt nhau. Tuy nhiên, điều quan trọng rất đáng mừng là những nội dung cốt lõi đều được bảo tồn nguyên vẹn.

Toàn bộ nội dung sách trình bày lại cuộc đối thoại giữa một vị cao tăng là tỳ-kheo Na-tiên và vị quốc vương uy dũng thời bấy giờ là vua Di-lan-đà. Ngoài phần đầu của kinh có lẽ do những người sau này ghi lại đã thêm vào theo truyền thuyết hoặc theo suy nghĩ của riêng mình, còn phần nội dung chính rất mạch lạc của kinh là những kiến giải tinh tế của một vị cao tăng, được trình bày rất sinh động và rõ



ràng, đầy ấn tượng. Người học Phật có thể tìm thấy ở đây gần như trọn vẹn tất cả những vấn đề mà mình quan tâm.

Tuy nhiên, đây không phải đơn thuần chỉ là một sự trích giảng giáo lý từ kinh điển chính thống. Hết thảy nội dung được đề cập đến trong tập sách này đều được thể hiện một cách vô cùng sáng tạo, linh hoạt, với rất nhiều ví dụ thích hợp luôn luôn đi kèm theo mỗi vấn đề, làm cho vấn đề trở nên rõ ràng, dễ hiểu hơn và đồng thời tạo ra sức thuyết phục đối với người đọc. Hơn thế nữa, nếu chúng ta tạm không xét đến cách hành văn – và điều này là tất nhiên đối với hầu hết các văn bản cổ –, thì những tình tiết, dữ kiện, hình ảnh được sử dụng để trình bày các vấn đề giáo lý ở đây quả thật đã đạt đến một trình độ nghệ

thuật biểu hiện rất cao, xứng đáng là một tác phẩm nghệ thuật giá trị.

Trong khi chuyển dịch sang tiếng Việt, tuy chúng tôi đã hết sức thận trọng đối chiếu, tham khảo tất cả những nguồn tư liệu có thể có, cũng như tham khảo ý kiến của các bậc tôn túc, trưởng thượng, nhưng do bản Hán văn không phải là một văn bản hoàn chỉnh, và trình độ, năng lực người dịch cũng có phần giới hạn, nên việc sai sót tất nhiên không thể nào tránh khỏi. Kính mong các bậc cao minh rộng lòng chỉ giáo.

*Nguyễn Minh Tiến*

## QUYỀN THƯỢNG

### I. DUYÊN KHỞI

Có một lúc, Phật ở thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc. Bảy giờ, chư vị tăng ni, nam nữ cư sĩ, chư thiên cõi trời, các vị quốc vương, đại thần, trưởng giả, dân chúng... cùng đến nghe Phật thuyết kinh, có đến hơn mười ngàn người.

Đức Phật tự nghĩ: “Hôm nay chúng hội tụ tập đông đảo huyên náo.” Ngài thấy trong thân không được an ổn, ý muốn lìa xa chúng hội đến chỗ thanh vắng để ngồi suy tưởng về đạo.

Phật liền lìa bỏ chúng hội, đến chỗ núi cao, dưới một cội cây lớn mà ngồi suy tưởng đạo thanh tịnh.

Cách chỗ cội cây ấy không xa, có một bầy voi hơn 500 con. Trong ấy có một con voi chúa tên là Hiền Thiện, vốn rất khôn ngoan, biết phân biệt các việc thiện, ác.

Cũng giống như loài người, bầy voi đông đảo ấy quây quần chung quanh voi chúa, có voi già, voi lớn, voi nhỏ... đủ hạng.

Khi ấy voi chúa khát, muốn tìm đến chỗ có nước mà uống. Đám voi con liền chạy trước, xuống nước uống và đùa nghịch khuấy đục lên, nên voi chúa chẳng có nước trong mà uống.

Voi chúa đói lòng, muốn đi ăn cỏ. Đám voi con lại chạy trước, ăn hết cỏ non, rồi đùa nghịch, giẫm đạp. Voi chúa không còn cỏ sạch để ăn.

Khi ấy voi chúa tự nghĩ rằng: “Nạn lớn của ta chính là bầy voi đông đảo này. Chúng khuấy nước, giẫm cỏ, khiến ta chẳng có nước trong mà uống, chẳng có cỏ sạch mà ăn. Nếu ta lìa bỏ bầy voi này,

một mình đến nơi yên vắng, chẳng thích ý lắm sao?”

Nghĩ vậy rồi liền rời bỏ bầy voi, đi vào núi, tìm đến chỗ cội cây cao, nhìn thấy đức Phật đang tọa thiền nơi đó. Voi chúa lấy làm mừng rỡ, đến trước đức Phật mà cúi mọp xuống lạy, rồi đứng hầu sang một bên.

Khi ấy, đức Phật tự nghĩ: “Ta rời bỏ chúng hội đông đảo mà đến đây. Voi chúa cũng rời bỏ bầy voi mà đến đây. Ý nghĩa thật giống như nhau.” Phật liền vì voi chúa mà thuyết kinh. Phật là bậc tôn quý nhất trong loài người. Voi chúa là tôn quý nhất trong loài voi.

Phật nói: “Tâm ta với tâm voi chúa nay thật hòa hiệp nhau, cùng vui nơi chỗ cội cây yên vắng này.” Voi chúa nghe Phật

thuyết kinh rồi, trong tâm có chỗ khai ngộ, hiểu rõ được ý Phật. Voi dùng vòi lấy nước tưới nơi chỗ đất quanh Phật, lại dùng vòi nhổ cỏ sạch, dùng chân giẫm đất cho bằng phẳng.

Voi chúa sớm chiều lo việc phụng sự. Ít lâu sau, Phật nhập Niết-bàn. Voi chúa không biết Phật ở đâu, đi quanh tìm hoài chẳng được, sầu khổ than khóc, trong lòng không vui, chẳng chịu ăn uống gì.

Xứ ấy có một ngôi chùa trên núi tên là Ca-la-hoàn, có 500 vị sa-môn cùng tu tập ở đó, tất cả đều đã đắc quả A-la-hán. Mỗi tháng có 6 ngày các thầy tụng kinh từ đầu hôm đến sáng.

Voi chúa cũng ở trên núi gần chùa ấy. Voi biết chùa có lệ thường tụng kinh mỗi tháng 6 ngày nên luôn đến nghe kinh. Các

vị sa-môn cũng biết voi chúa muốn nghe kinh, mỗi khi sắp tụng kinh đều có ý chờ voi đến nghe rồi mới bắt đầu tụng.

Voi chúa nghe kinh cho đến sáng, chẳng ngủ, chẳng nằm, cũng chẳng hề xao động. Nghe kinh như thế nhiều ngày, sau đó mạng chung.

Bỏ thân voi rồi, được sanh làm người trong một nhà bà-la-môn, nhưng chẳng được nghe kinh Phật, cũng chẳng được gặp các thầy sa-môn. Khi lớn khôn lại bỏ nhà lên núi cao, học theo đạo bà-la-môn.

Ở gần đó lại cũng có một thầy bà-la-môn khác đến tu tập. Hai người thường qua lại cùng đàm đạo, học hỏi nhau.

Bấy giờ, một trong hai người phát nguyện rằng: “Ta chán bỏ cảnh quan tước thế gian, những buồn khổ, già, bệnh, chết, sau

lại phải đọa vào địa ngục, súc sanh, ngã quý, những cảnh bần cùng, nên ta nguyện cạo đầu mặc áo cà-sa làm sa-môn học đạo vô vi mà cứu nhân độ thế.”

Người kia lại phát nguyện rằng: “Ta nguyện sẽ làm bậc quốc vương có sức mạnh, uy lực, khiến hết thảy nhân dân trong thiên hạ đều nghe theo sự giáo hóa, dạy dỗ của ta.”

Cả hai phát nguyện như thế rồi, về sau khi mạng chung đều được sanh ra trở lại làm thân người, ứng theo lời đã nguyện.

## II. XUẤT SANH

Người phát nguyện tu đạo độ thế, sanh về xứ Kế Tân bên Thiên Trúc. Khi chào đời, thân đã mang sẵn áo cà-sa. Sở dĩ có áo cà-sa mang trên người mà sanh ra, là do lời



phát nguyện học đạo ngày trước được ứng nghiệm. Khi sanh đứa bé này, trong nhà lại có một con voi cũng sanh ra cùng ngày. Tiếng Thiên Trúc gọi con voi là Na, vì thế, cha mẹ liền đặt tên cho cậu bé là Na-tiên.

Na-tiên lớn lên được chừng mười lăm, mười sáu tuổi, có người cậu tên là Lôu-hán, vốn là một vị sa-môn tài đức hơn người. Vị này có mắt nhìn thấu được khắp nơi, tai nghe thấu được khắp chốn, chứng đắc thần thông biến hóa, có thể thấu biết được suy nghĩ trong tâm ý của hết thảy mọi người. Na-tiên đến thăm cậu, thưa rằng: “Ý con muốn học theo đạo Phật, xuất gia mặc cà-sa làm sa-môn. Nay muốn làm đệ tử của cậu, có thể vì con mà độ cho xuất gia làm sa-môn chăng?”

Lâu-hán rõ biết chuyện tiền thân trước đây của Na-tiên nên trân trọng lắm, liền đồng ý cho xuất gia, thọ giới làm sa-di. Na-tiên vừa xuất gia, ngay trong ngày thọ mười giới của sa-di, tụng đọc kinh điển, suy nghĩ hiểu thấu ý nghĩa liền chứng đắc tứ thiên, tự nhiên rõ biết hết thảy các kinh, chỉ có điều chưa được thọ đại giới của bậc sa-môn mà thôi.

Bấy giờ, trong xứ ấy có ngôi chùa tên là Hòa Thiên, có 500 vị tăng tu tập, thảy đều đã đắc quả A-la-hán. Trong số ấy, có một vị cao trội hơn hết tên là Át-pha-viết, có thể rõ biết chuyện quá khứ cũng như hiện tại và vị lai trên khắp cõi đời.

Khi Na-tiên tròn 20 tuổi, thọ đại giới thành sa-môn, liền đến viếng chỗ Át-pha-viết nơi chùa Hòa Thiên.

### III. CHÚNG ĐẠO

Bảy giờ nhằm ngày rằm, 500 vị A-la-hán ở đó đều tụ hội lại để thuyết giới. Tất cả các vị đều vào trong giảng đường lớn, Na-tiên đến đó rồi cũng theo vào. Khi đại chúng đều đã ngồi yên, Át-pha-viết quán sát tâm niệm của mọi người, biết là ai nấy đều đã đắc quả A-la-hán, duy chỉ có một mình Na-tiên là chưa.

Khi ấy, Át-pha-viết liền lấy một thí dụ trong kinh mà thuyết rằng: “Như khi sàng gạo lấy gạo trắng, nếu có gạo đen tất là không tốt, phải lựa ra. Nay trong hội này, tất cả đều là trắng, chỉ riêng Na-tiên là đen, vì chưa đắc quả A-la-hán vậy.”

Na-tiên nghe Át-pha-viết thuyết thí dụ trong kinh như thế, lấy làm buồn rầu, liền

đứng dậy lễ bái 500 vị sa-môn rồi rời khỏi giảng đường.

Na-tiên bước ra ngoài, tự suy nghĩ rằng: “Lẽ ra ta không nên vào ngồi trong pháp hội ấy. Chỉ có mình ta là chưa được đạo giải thoát, còn lại hết thảy mọi người đều đã được giải thoát. Ví như trong bày sư tử lại có xen vào một con chồn. Ta nay ở giữa các vị A-la-hán lại cũng chẳng khác nào như thế. Từ nay về sau, nếu ta chưa được đạo giải thoát, quyết không trở lại ngồi chung trong chúng hội.”

Át-pha-viết rõ biết ý nghĩ ấy, liền gọi Na-tiên đến trước mặt, lấy tay xoa đầu Na-tiên mà nói rằng: “Ngày con đắc đạo cũng sẽ không bao lâu nữa. Con không nên âu sầu.”

Nhân đó, Át-pha-viết liền lưu giữ Na-tiên ở lại.

Na-tiên lại có một vị thầy nữa đã hơn tám mươi tuổi, tên là Ca-duy-viết. Trong vùng có vị cư sĩ thí chủ lớn thường ngày vẫn cúng dường thức ăn cho đệ tử của ngài Ca-duy-viết. Na-tiên thay thầy mang bình bát đi xin cơm, ngài liền dạy phải ngậm nước trong miệng mà đến nhà vị cư sĩ thí chủ lớn ấy xin cơm.

Vị cư sĩ thấy Na-tiên tuổi nhỏ mà hình dung, cốt cách đoan chánh khác người, biết là bậc có trí tuệ, lại đã được nghe danh Na-tiên là người sáng suốt có thể thuyết giảng kinh đạo.

Na-tiên vào nhà rồi, vị cư sĩ liền đứng dậy đến trước mặt lễ bái, chấp tay cung kính thưa rằng: “Tôi cúng dường cho các vị sa-

môn đã lâu, chưa từng có vị nào vì tôi mà thuyết giảng nghĩa kinh. Nguyên hôm nay được ngài vì tôi mà thuyết giảng, trừ bỏ sự ngu si mê muội của tôi.”

Na-tiên tự nghĩ: “Ta vâng lời thầy, ngậm nước trong miệng không được nói. Nay nếu mở miệng ra, tức trái lời thầy, biết làm sao bây giờ?”

Lại nghĩ rằng: “Vị cư sĩ đây có tài, có chí, như được nghe ta thuyết kinh ắt sẽ được đạo.” Nghĩ vậy rồi liền nhổ nước trong miệng ra mà thuyết kinh rằng:

“Người đời biết bổ thí, làm việc thiện, giữ theo giới luật, hiện thời được sự an ổn, đời sau được sinh về cõi trời. Như sanh trong cõi người, cũng được giàu sang trí tuệ, sau lại không phải đọa vào ba nẻo ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Người

không học theo kinh, không giữ giới, hiện thời phải chịu khổ, đời sau lại phải đọa vào ba nẻo ác, không có lúc ra.”

Vị cư sĩ nghe thuyết kinh liền sanh tâm hoan hỷ. Na-tiên biết cư sĩ đã sanh tâm hoan hỷ, liền tiếp tục thuyết kinh nghĩa sâu xa vi diệu rằng: “Hết thấy vạn vật trên thế gian này rồi đều phải trôi qua đi, không có gì thường tại cả, vì thế hết thấy đều là khổ, cho đến thân người cũng vậy. Người thế gian đều nói rằng: ‘Đây là thân của ta...’ Nghĩ như vậy, nên không thể tự tại, được đạo Niết-bàn. Chỗ vui vẻ thật sự tối thượng chính là Niết-bàn không sanh, không già, không bệnh, không chết, không sầu, không ưu, hết thấy các việc ác đều tiêu diệt...”

Na-tiên thuyết kinh xong, vị cư sĩ ấy liền đặc quả Tu-đà-hoàn. Tự thân Na-tiên cũng đặc quả Tu-đà-hoàn.

Vị cư sĩ hết sức vui mừng, liền mang thức ăn ngon ra cúng dường cho Na-tiên. Na-tiên nói: “Hãy cúng dường vào bát của thầy tôi trước đã.”

Na-tiên dùng cơm xong, mang cơm về cho thầy. Thầy nhìn bát cơm, nói rằng: “Hôm nay đi khát thực đến chỗ có đồ ăn ngon, phạm vào quy ước của chúng tăng, phải trục xuất người khỏi chúng.”

Na-tiên nghe nói buồn rầu không vui. Thầy Ca-duy-viết cho triệu tập chúng tăng nhóm họp, nói rằng: “Na-tiên phạm vào quy ước của chúng tăng, chúng ta nên trục xuất đi, không thể cho ở chung trong chúng.”



Khi ấy, ngài Át-pha-viết liền nói thí dụ rằng: “Như có người bắn một mũi tên mà trúng hai đích. Người được như thế không nên trục xuất. Na-tiên thuyết pháp, tự mình đắc quả, lại khiến cho cư sĩ kia cũng đắc quả, không nên trục xuất.”

Ca-duy-viết nói: “Chính vì một mũi tên bắn trúng hai đích, lại phạm quy ước của chúng tăng, nên không thể giữ lại. Người khác tất không thể nào đắc quả như Na-tiên, nên phải ngừa dứt việc sau này, kéo có những người khác lại bắt chước làm theo.”

Khi ấy cả chúng hội đều ngồi yên không ai nói gì. Như vậy nghĩa là thuận theo lời thầy Át-pha-viết mà trục xuất Na-tiên.

Na-tiên liền lễ bái thầy, rồi lễ bái khắp chúng tăng. Lễ xong, ra đi vào tận chốn

rừng sâu, ngồi dưới một gốc cây, ngày đêm suy tưởng đạo pháp. Không bao lâu liền chứng quả A-la-hán, có thể bay trên không, nhìn rõ khắp nơi, nghe thấu khắp chốn, lại có thể biết được tâm niệm của người khác và những chuyện quá khứ, vị lai.

Đắc quả A-la-hán rồi, Na-tiên liền quay về chùa Hòa Thiên cầu xin được sám hối với tất cả chúng tỳ-kheo tăng. Chúng tăng nhận cho sự sám hối ấy rồi, Na-tiên liền lễ bái từ biệt ra đi.

#### IV. ĐỘ SANH

Na-tiên từ đó ra đi, du hóa khắp nơi, vì người mà thuyết giảng kinh pháp, dạy người làm việc thiện. Những người được ngài giáo hóa, có kẻ phát tâm thọ trì Năm giới, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có

người đắ quả Tu-đà-hàm, có người đắ quả A-na-hàm, hoặc cũng có người xuất gia làm sa-môn, đắ quả A-la-hán. Cho đến các vị Thiên vương, Đế-thích cõi trời cũng thường hiện xuống nghe ngài thuyết pháp. Thanh danh của ngài vang lừng khắp chốn, ngài đi đến đâu, ai nấy được gặp ngài đều sanh tâm hoan hỷ, được nhiều phước báu, cho đến các loài rồng, quỷ thần cũng được nhờ sức tế độ.

Sau ngài đến xứ Xá-kiệt ở Thiên Trúc, ngụ trong chùa Tiết-trì-ca. Nơi ấy, ngài gặp lại người quen cũ từ kiếp trước, nay sanh ra ở một vùng ven biển, làm thái tử con vua, tên là Di-lan-đà.

Di-lan-đà tuổi còn nhỏ đã thích đọc kinh sách, học qua các đạo khác biệt đều có thể phân biệt hiểu rõ, thường chất vấn các

thầy tu đạo khác, không ai có thể đối đáp hơn được.

Khi vua cha băng hà, Di-lan-đà nối ngôi làm quốc vương, lấy chánh pháp trị quốc. Vua là người tài cao, có trí tuệ, hiểu thấu việc đời, có thể luận bàn việc quá khứ, hiện tại, vị lai đều thông suốt, lại giỏi việc chiến trận, nhiều mưu trí, không việc gì là không rõ biết.

Một hôm, vua ra ngoài thành dạo chơi, dẫn theo cả quần thần binh tướng. Bấy giờ, lòng vua cao ngạo, tự nghĩ rằng: “Ta nay làm vua, có thể hiểu thấu hết thảy kinh điển của các đạo, không còn ai có thể đối đáp hơn được ta.”

Nghĩ vậy rồi, vua liền bảo quần thần rằng: “Bây giờ còn sớm lắm, trở vào thành cũng không có việc chi làm. Các người xem

gần đây có vị đạo nhân nào có thể cùng ta đối đáp nghĩa lý kinh đạo hay chăng?”

Có vị cận thần tên là Triêm-di-ly Vọng-quần tâu lên rằng: “Tâu đại vương, gần đây có vị sa-môn tên là Giả-hòa-la, thông thạo kinh nghĩa, có thể cùng đại vương đối đáp.”

Vua liền sai Triêm-di-ly đi thỉnh trưởng lão Giả-hòa-la đến. Triêm-di-ly đến chỗ trưởng lão, thưa rằng: “Đại vương muốn được gặp ngài.” Giả-hòa-la đáp: “Đại vương muốn gặp, nên tự đi đến đây, ta không đến chỗ ông ấy.”

Triêm-di-ly trở về tâu lên vua như vậy. Vua liền lên xe, cùng với 500 quân cưỡi ngựa thẳng đến chỗ ngôi chùa của trưởng lão Giả-hòa-la. Gặp nhau chào hỏi xong, vua liền hỏi: “Ngài vì sao từ bỏ nhà cửa,

vợ con, xuất gia làm sa-môn? Ngài cầu được đạo lý gì?”

Giả-hòa-la đáp rằng: “Ta học theo đạo Phật, làm việc chân chánh, đời này được phước báu, đời sau lại cũng được nhiều phước báu. Vì thế mà cạo tóc xuất gia làm sa-môn.”

Vua lại hỏi: “Như có người cư sĩ tại gia, có vợ con, làm việc chân chánh thì đời này có được phước báu chăng? Đời sau có được phước báu chăng?”

Giả-hòa-la đáp: “Dù là cư sĩ tại gia, có vợ con, nếu biết làm việc chân chánh thì đời này cũng được phước báu, đời sau cũng được phước báu.”

Vua liền hỏi: “Như người tại gia có vợ con, làm việc chân chánh, đời này cũng được phước báu, đời sau cũng được

phước báu. Thế thì ngài đâu cần phải cạo tóc, xuất gia làm sa-môn?”

Giả-hòa-la lặng thinh không đáp lại.

Quần thần quanh vua liền nói rằng: “Vị sa-môn này sáng suốt trí tuệ, cũng không đủ đối đáp với đại vương.” Rồi họ đều đưa nắm tay lên cao mà hô to rằng: “Đại vương thắng rồi! Đại vương thắng rồi!”

Trưởng lão Giả-hòa-la lặng thinh nhận thua cuộc.

Vua đưa mắt nhìn các vị cư sĩ quanh đó, thấy sắc mặt họ thản nhiên không tỏ vẻ gì là xấu hổ. Vua liền nghĩ rằng: “Bọn cư sĩ ở đây chẳng lấy gì làm xấu hổ khi thấy vị sa-môn này thua cuộc. Như vậy chắc hẳn là còn có sa-môn khác trí tuệ sáng suốt hơn, có thể cùng ta đối đáp nghĩa lý.”

Vua liền quay sang hỏi cận thần Triêm-di-ly: “Còn có vị sa-môn nào trí tuệ sáng suốt hơn, có thể cùng ta đối đáp chăng?”

Triêm-di-ly thưa rằng: “Tâu đại vương! Có vị sa-môn tên là Na-tiên, trí tuệ sâu rộng, hiểu thấu chỗ yếu nghĩa trong kinh điển, có thể cùng đại vương đối đáp.”

Vua hỏi lại: “Quả thật có thể cùng ta đối đáp chăng?”

Triêm-di-ly đáp: “Tất nhiên là được. Vị ấy có thể cùng chư thiên cõi trời đối đáp, huống chi là ở cõi người.”

Vua liền lập tức sai Triêm-di-ly đi thỉnh Na-tiên đến. Triêm-di-ly tìm đến nơi, thưa rằng: “Đại vương muốn được gặp ngài.” Na-tiên liền cùng các vị đệ tử đi theo, thẳng đến chỗ vua.



## V. HỘI NGỘ

Vua tuy chưa từng được gặp Na-tiên trước đó, nhưng Na-tiên phong thái khác thường, nổi bật lên trong cả nhóm đông người, vua từ xa nhìn thấy đã có thể ngầm đoán biết ai là Na-tiên.

Vua lại tự nghĩ rằng: “Ta xưa nay đã từng gặp qua rất nhiều hạng người, đã từng đến dự rất nhiều cuộc thuyết giảng, nhưng chưa từng tự thấy sợ sệt, lo lắng như giờ đây sắp đối mặt với Na-tiên. Hôm nay Na-tiên nhất định là sẽ thắng ta rồi, nên trong lòng ta mới bồn chồn không an ổn như vậy.”

Khi ấy, Triêm-di-ly đến trước tâu rằng: “Na-tiên đã đến.”

Na-tiên đến rồi, vua hỏi: “Người nào là Na-tiên?”

Triêm-di-ly liền giới thiệu với vua. Vua vui mừng nói: “Quả là đúng như ta đã nhận biết trước.”

Hai bên gặp nhau chào hỏi xong, vua lấy làm hoan hỷ mời Na-tiên cùng ngồi. Na-tiên bảo vua rằng: “Kinh Phật có dạy: Mỗi lợi lớn nhất của người ta là được an ổn. Sự giàu sang lớn nhất của người ta là biết đủ. Niềm vui lớn nhất của người ta là đạt đến Niết-bàn.”

○ ○ ○

Vua hỏi Na-tiên: “Bạch đại đức, tên ngài là gì?”

Na-tiên đáp: “Cha mẹ đặt tên cho bản tăng là Na-tiên, nhân đó mọi người đều gọi là Na-tiên. Nhưng cho dù cha mẹ có đặt cho là Duy-tiên, Thủ-la-tiên hay Duy-ca-tiên... cũng chỉ là một phương tiện

dùng để nhận biết, phân biệt mà thôi. Tên gọi của mọi người ở thế gian cũng đều chỉ có ý nghĩa như vậy.”

Vua liền hỏi: “Nếu đại đức nói thế, xin hỏi tên gọi Na-tiên ấy thật ra là chỉ vào cái gì? Cái đầu là Na-tiên chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải, đầu chẳng phải là Na-tiên.”

Vua lại hỏi: “Mắt, tai, mũi, lưỡi là Na-tiên chăng?”

Na-tiên đáp: “Mắt, tai, mũi, lưỡi chẳng phải là Na-tiên.”

Vua lại hỏi: “Thế thì cổ, gáy, vai, cánh tay, tay chân, đó là Na-tiên chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải Na-tiên.”

Vua lại hỏi: “Thế thì như bắp đùi, bàn chân... phải là Na-tiên chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải Na-tiên.”

Vua hỏi: “Vậy hình sắc nhìn thấy đó có phải là Na-tiên chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải Na-tiên.”

Vua hỏi: “Như vậy sự cảm thọ vui, khổ là Na-tiên chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải Na-tiên.”

Vua lại hỏi: “Vậy phân biệt thiện ác, đó là Na-tiên chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải Na-tiên.”

Vua lại hỏi: “Như vậy, thân xác là Na-tiên chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải Na-tiên.”

Vua hỏi: “Vậy hết thảy các cơ quan trong nội tạng là Na-tiên chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải Na-tiên.”

Vua lại hỏi: “Như vậy, hợp cả năm điều là hình sắc, cảm thọ khổ vui, thiện ác, thân, tâm, đó là Na-tiên chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải Na-tiên.”

Vua hỏi: “Giả sử như không có năm điều ấy, có thể đó là Na-tiên chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải Na-tiên.”

Vua lại hỏi: “Như vậy âm thanh, tiếng vọng, cho đến hơi thở ra vào, có phải là Na-tiên chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải Na-tiên.”

Vua liền hỏi: “Như thế, thật ra đâu mới là Na-tiên?”

Na-tiên không đáp, hỏi lại vua rằng: “Đại vương gọi tên chiếc xe, thật ra đâu mới là xe? Cái trục xe là xe chẳng?”

Vua đáp: “Trục xe chẳng phải là xe.”

Na-tiên hỏi: “Vậy vành bánh xe là xe chẳng?”

Vua đáp: “Vành bánh xe cũng chẳng phải là xe?”

Na-tiên lại hỏi: “Vậy nan bánh xe là xe chẳng?”

Vua đáp: “Nan bánh xe chẳng phải là xe.”

Na-tiên hỏi: “Vậy bánh xe là xe chẳng?”

Vua đáp: “Bánh xe cũng chẳng phải là xe.”

Na-tiên hỏi: “Vậy càng xe là xe chẳng?”

Vua đáp: “Càng xe chẳng phải là xe.”

Na-tiên hỏi: “Vậy cái ách có phải là xe chãng?”

Vua đáp: “Ách chãng phải là xe.”

Na-tiên lại hỏi: “Chỗ ngồi có phải là xe chãng?”

Vua đáp: “Chỗ ngồi chãng phải là xe.”

Na-tiên hỏi tiếp: “Chỗ gác chân có phải là xe chãng?”

Vua đáp: “Chỗ gác chân chãng phải là xe.”

Na-tiên hỏi: “Vậy mui xe là xe chãng?”

Vua đáp: “Mui xe chãng phải là xe.”

Na-tiên lại hỏi: “Vậy hợp đủ tất cả các món ấy lại là xe chãng?”

Vua đáp: “Dù hợp đủ tất cả các món ấy lại cũng không phải là xe.”

Na-tiên hỏi: “Giả sử như không hợp tất cả các món ấy lại, vậy là xe chăng?”

Vua đáp: “Không hợp các món ấy lại, cũng không phải là xe.”

Na-tiên hỏi: “Vậy âm thanh phát ra là xe đó chăng?”

Vua đáp: “Âm thanh cũng chăng phải là xe.”

Na-tiên liền hỏi: “Nói như vậy thì thật ra đâu mới là xe?”

Vua lặng thinh không đáp được.

Đại đức Na-tiên bấy giờ mới thông thả nói: “Kinh Phật dạy rằng, nếu hợp tất cả các yếu tố ấy lại mà làm xe, người ta sẽ có cái vật được gọi là xe. Con người cũng vậy. Như hòa hợp tất cả các yếu tố đầu, mặt, tai, mũi, lưỡi, cổ, gáy, vai, tay chân,



xương, thịt, nội tạng, nhan sắc, âm thanh, tiếng vọng, hơi thở ra vào, cảm thọ khổ vui, phân biệt thiện ác... sẽ hình thành một thực thể được gọi là con người.”

Vua hiểu ra, tán thán rằng: “Hay thay, hay thay!”

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, ngài có thể cùng với trăm đối đáp về nghĩa lý trong kinh điển hay chăng?”

Đại đức Na-tiên đáp: “Nếu như đại vương theo cách nói chuyện của bậc trí giả mà cùng bản tăng vấn đáp thì có thể được. Bằng như theo cách nói chuyện của hàng vương giả kiêu ngạo thì không thể được.”

Vua hỏi: “Cách nói chuyện của bậc trí giả là như thế nào?”

Na-tiên đáp: “Bậc trí giả khi nói chuyện thì chất vấn lẫn nhau đến cùng cực, giải thích cho nhau để cùng hiểu được vấn đề, khi tranh luận sẵn lòng chấp nhận có hơn có kém, có thắng có bại, có đúng có sai, tự biết nhận ra lý lẽ đúng đắn nhất, sáng suốt nhất. Bậc trí giả không hề có sự giận dữ, nóng nảy khi tranh luận. Cách nói chuyện của bậc trí giả là như thế.”

Vua lại hỏi: “Còn cách nói chuyện của hàng vương giả kiêu ngạo là như thế nào?”

Na-tiên đáp: “Hàng vương giả kiêu ngạo khi nói chuyện thì hoàn toàn theo ý mình, chẳng cần biết đến luật lệ. Nếu không theo với ý mình, tất sẽ dùng sức mạnh mà đàn áp, trừng phạt. Cách nói chuyện của hàng vương giả kiêu ngạo là như thế.”

Vua liền nói: “VẬY TRẦM XIN CHỌN CÁCH NÓI chuyện của bậc trí giả, không theo cách nói chuyện của hàng vương giả. Xin đại đức cũng đừng nên nghĩ là mình đang nói chuyện với một vị vua chúa quyền uy. Hãy xem như là ngài đang nói chuyện với các vị sa-môn, với các vị đệ tử, hoặc với hàng cư sĩ học đạo, hoặc như đang dạy dỗ cho hàng sa-môn vậy. Xin đừng sanh tâm lo sợ, xin lấy tâm chân chánh mà chỉ bày cho trẫm.”

Đại đức Na-tiên khen rằng: “Thật tốt đẹp biết bao.”

Vua liền nói: “BẠCH ĐẠI ĐỨC, TRẦM CÓ ĐIỀU MUỐN HỎI.”

Na-tiên đáp: “XIN ĐẠI VƯƠNG CỨ HỎI.”

Vua nói: “TRẦM ĐÃ HỎI RỒI.”

Na-tiên đáp: “Bần tăng đã đáp rồi.”

Vua hỏi: “Ngài đáp điều gì vậy?”

Na-tiên hỏi: “Đại vương hỏi bần tăng điều gì vậy?”

Vua nói: “Trẫm không có chỗ hỏi.”

Na-tiên nói: “Bần tăng cũng không có chỗ đáp.”

Khi ấy, vua tự suy nghĩ rằng: “Vị sa-môn này quả thật là bậc đại trí tuệ, sáng suốt vô cùng. Giờ đây ta còn rất nhiều điều muốn hỏi ngài, hay là ngày mai ta sẽ cho thỉnh ngài vào cung cho rộng thì giờ đối đáp vậy.”

Vua đem ý ấy nói với viên cận thần Triêm-di-ly. Người này liền thưa với đại đức Na-tiên rằng: “Hôm nay trời sắp tối, đại vương phải về cung. Ngày mai, đại

vương muốn thỉnh ngài vào cung để cùng nhau đối đáp.”

Na-tiên nhận lời, nói rằng: “Như vậy hay lắm.”

Vua lên xe về cung. Giữa đường, lúc nào cũng nghĩ đến Na-tiên, lắm bảm gọi thầm tên ngài trong miệng: “Na-tiên, Na-tiên...” Cứ suy tưởng như vậy mãi cho đến sáng hôm sau.

## VI. THỈNH VẤN

Sáng hôm sau, Triêm-di-ly với quần thần cùng tâu hỏi vua rằng: “Có nên đi thỉnh đại đức Na-tiên chăng?”

Vua đáp: “Nên đi ngay đi.”

Triêm-di-ly lại hỏi: “Đến thỉnh đại đức, nên để cho bao nhiêu vị sa-môn cùng đi?”

Vua nói: “Việc ấy cứ tùy ý đại đức.”

Khi ấy có viên quan giữ kho của vua tên là Xan đang đứng cạnh đó, liền tâu vua rằng: “Xin để cho mười vị sa-môn cùng đi.”

Vua nói: “Việc ấy để tùy ý đại đức Na-tiên.”

Xan lại nói: “Có thể để cho mười vị sa-môn đi theo được chăng?”

Vua nói: “Cứ để tùy ý đại đức, ngài muốn dẫn theo bao nhiêu sa-môn cũng đều được.”

Xan lại nói: “Có lẽ nên cho phép dẫn theo mười vị sa-môn thôi.”

Vua nghe ông Xan cãi nhau hoài chuyện ấy, liền nổi giận nạt rằng: “Ông thật là keo lặn hết chỗ nói. Thảo nào tên ông là Xan, quả đúng không sai! Ông tham tiếc

của vua khác nào của ông, không biết là trái ý ta sẽ bị tội chết hay sao? Thôi ông hãy đi đi, ta tạm tha tội cho ông đó. Lẽ nào ta làm đến bậc vương giả mà không đủ sức đãi cơm các vị sa-môn hay sao?”

Ông Xan nghe vua nói xấu hổ đi ra, không dám nói thêm gì nữa.

Triêm-di-ly đến chỗ ngài Na-tiên, vào thưa rằng: “Bạch đại đức, đại vương thỉnh ngài vào cung.”

Na-tiên hỏi: “Nhà vua cho phép ta dẫn theo bao nhiêu sa-môn?”

Triêm-di-ly đáp: “Xin tùy ý ngài, muốn dẫn theo bao nhiêu cũng được.”

Na-tiên liền cùng với nhóm ông Giả-hòa-la và tám mươi vị sa-môn nữa vào cung.

Triêm-di-ly cùng đi, giữa đường thưa hỏi đại đức Na-tiên rằng: “Bạch đại đức, hôm qua nói chuyện với nhà vua, chung quy tôi vẫn không biết lấy gì là Na-tiên?”

Đại đức Na-tiên quay sang hỏi ông: “Vậy theo ý ông, lấy gì là Na-tiên?”

Triêm-di-ly đáp: “Theo ý tôi, hơi thở có vào có ra, ấy là Na-tiên.”

Na-tiên hỏi: “Nếu như hơi người đưa ra rồi không vào lại, người ấy có sống không?”

Triêm-di-ly đáp: “Hơi ra mà không vào, nhất định phải chết.”

Na-tiên hỏi: “Như người thổi kèn, thổi sáo hoặc thổi lửa, hơi ấy ra rồi có vào lại chăng?”

Triêm-di-ly đáp: “Thưa không.”



Na-tiên hỏi: “Vậy những người thổi kèn, thổi sáo hoặc thổi lửa ấy, hơi đưa ra rồi không vào lại, vì sao không chết?”

Triêm-di-ly không đáp được, thưa rằng: “Như chuyện hơi thở ra vào này, sức tôi thật không hiểu nổi. Xin đại đức vì tôi mà giải thích cho.”

Na-tiên nói: “Hơi thở ra vào chẳng qua chỉ là một trong nhiều hoạt động của cơ thể đó thôi. Như trong tâm có suy nghĩ gì, nhờ cái lưỡi mà nói ra thành lời. Ấy là hoạt động của lưỡi. Như trong ý có chỗ nghi ngại, trong tâm liền suy xét, ngẫm nghĩ, đó là hoạt động của tâm. Mỗi mỗi đều hòa hợp theo chủ ý của người, nhưng tách biệt ra thì hết thấy đều là không, chẳng có gì là Na-tiên cả.”

Triêm-di-ly chột hiểu ra, liền phát tâm xin thọ Năm giới, nguyện làm người cư sĩ tu tại gia.

Na-tiên vào cung vua rồi, thẳng đến chỗ vua. Vua liền lễ bái, thỉnh ngài và tám mươi vị sa-môn cùng ngồi.

Vua sai dọn các món ăn ngon quý để cúng dường tất cả. Vua lại tự tay tiếp đãi ngài Na-tiên rất ân cần.

Khi các vị sa-môn đều đã dùng bữa xong, vua lại cúng dường cho mỗi vị một bộ cà-sa và một đôi dép. Riêng ngài Na-tiên và Giả-hòa-la mỗi người ba bộ cà-sa với một đôi dép.

Cúng dường xong, vua nói với đại đức Na-tiên rằng: “Xin lưu mười vị ở lại, còn bao nhiêu xin cho về.”

Na-tiên liền giữ lại mười vị sa-môn, số còn lại cho trở về chùa.

Vua lại cho gọi tất cả mọi người trong hậu cung đến để được nghe vua và đại đức Na-tiên cùng đối đáp.

## VII. VẤN ĐÁP

Vua cho dọn chỗ ngồi đối diện với ngài Na-tiên. Sau đó, vua hỏi đại đức Na-tiên: “Bạch đại đức, nên nói về những chuyện gì trước nhất?”

Na-tiên đáp: “Đại vương muốn nghe những điều cốt yếu, nên bàn chuyện cốt yếu vậy.”

### 1. MỤC ĐÍCH XUẤT GIA

Vua hỏi: “Theo ngài thì chuyện gì là cốt yếu nhất? Vì muốn cầu điều chi mà các ngài xuất gia làm sa-môn?”

Na-tiên đáp: “Chúng tôi xuất gia làm sa-môn là muốn trừ hết những khổ não trong đời này, cũng không muốn đời sau phải chịu khổ não nữa. Vì những mục đích ấy, chúng tôi xuất gia làm sa-môn. Chúng tôi xem đó là điều cốt yếu nhất, tốt đẹp nhất vậy.”

Vua lại hỏi: “Có phải hết thấy các vị sa-môn đều vì muốn diệt khổ não đời này và đời sau nên mới xuất gia làm sa-môn hay chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải vậy. Thật ra, những người xuất gia làm sa-môn có bốn hạng khác nhau.”

Vua hỏi: “Thế nào là bốn hạng khác nhau?”

Na-tiên nói: “Trong số những người xuất gia làm sa-môn, có người do nơi mắc phải nợ nần nên xuất gia để tránh né; có người vì phạm phép nước nên sợ mà xuất gia để lẩn tránh; có người vì quá nghèo khổ nên xuất gia để được có cơm ăn, áo mặc. Ba hạng ấy không phải vì muốn diệt khổ não mà xuất gia. Hạng thứ tư là những bậc chân chánh xuất gia. Vì muốn trừ diệt hết khổ não đời này và đời sau, nên mới xuất gia làm sa-môn.”

Vua hỏi: “Như đại đức, có phải vì cầu đạo mà làm sa-môn chăng?”

Na-tiên đáp: “Bần tăng vốn xuất gia khi còn nhỏ tuổi, nhờ có kinh điển của Phật, cùng các vị sa-môn đều là những bậc cao

minh giáo hóa cho. Bần tăng học kinh, thọ giới, thâm nhập vào trong tâm. Vì thế mà lập chí nguyện quyết trừ dứt khổ não trong đời này và đời sau vậy.”

Vua tán thán rằng: “Lành thay! Lành thay!”

## 2. TÁI SANH

Vua lại thưa hỏi: “Bạch đại đức, có người nào sau khi chết không tái sinh trở lại chăng?”

Đại đức Na-tiên đáp: “Có người phải tái sinh, nhưng cũng có người không phải tái sinh.”

Vua hỏi: “Những ai phải tái sinh? Những ai không phải tái sinh?”

Na-tiên đáp: “Người nào chưa dứt lòng tham muốn ân tình, ái luyến thì sẽ phải tái sanh. Người nào đã dứt được lòng tham muốn ân tình, ái luyến thì sẽ không phải tái sanh nữa.”

Vua hỏi: “Như người hết lòng niệm tướng pháp lành chân chánh, có phải sanh ra ở đời sau nữa chăng?”

Na-tiên đáp: “Người nào hết lòng niệm tướng chánh pháp, niệm tướng trí tuệ lành, cùng với các điều lành khác nữa, có thể nhờ đó mà không còn phải sanh ra ở đời sau.”

Vua lại hỏi: “Người hết lòng niệm tướng pháp lành chân chánh, so với có trí tuệ, hai điều ấy có đồng nghĩa với nhau chăng?”

Na-tiên đáp: “Không, hai điều ấy có ý nghĩa khác nhau.”

Vua hỏi: “Các loài trâu, ngựa, gia súc ... có trí hay chẳng?”

Na-tiên đáp: “Các loài trâu, ngựa, gia súc... mỗi loài đều tự có trí, nhưng tâm của chúng không đồng nhau.”

Na-tiên lại nói: “Đại vương từng thấy người gặt lúa chẳng? Tay trái nắm lấy bó lúa, tay phải cắt đi. Nay đại vương, bậc có trí tuệ đoạn tuyệt ái dục cũng giống như người cắt lúa.”

Vua khen rằng: “Hay thay! Hay thay!”

### 3. CÁC ĐIỀU LÀNH

Vua hỏi: “Bạch đại đức, còn các điều lành khác nữa là những gì?”



Na-tiên đáp: “Thành tín, hiếu thuận, tinh tấn, nghĩ nhớ điều lành, nhất tâm và trí tuệ. Đó gọi là các điều lành.”

Vua hỏi: “Thế nào là thành tín?”

Na-tiên đáp: “Thành tín là không còn nghi ngại gì nữa. Tin là có Phật, có kinh điển của Phật, có các vị tỳ-kheo tăng, có các vị đắc A-la-hán. Tin là có đời nay và còn có đời sau, tin vào việc hiếu thuận với cha mẹ, tin vào việc làm lành gặp lành, làm ác gặp ác. Vững tin được như vậy, tâm liền được thanh tịnh, tức là xa được năm điều ác.

“Những gì là năm điều ác? Một là tham dâm, hai là sân nhuế, ba là mê ngủ, bốn là tham đắm các trò vui, năm là còn có chỗ nghi.

“Người chưa lìa được năm điều ác ấy thì tâm ý chẳng được an định. Lìa được năm điều ác ấy thì trong tâm liền thanh tịnh.

“Ví như vua Giá-ca-việt dẫn theo người, ngựa với xe cộ lội qua một dòng nước. Qua khỏi rồi, vua khát muốn tìm nước uống. Vua có hạt châu quý có thể làm lắng trong nước đục, liền dùng hạt châu ấy đặt xuống nước, nước đục tức thời lắng trong. Vua liền có nước sạch để uống.

“Lòng người chắt chứa điều ác, ví như nước đục. Đạo tâm vượt thoát sanh tử của hàng đệ tử Phật ví như hạt châu quý có thể làm nước lắng trong. Người trừ sạch được các điều ác rồi, lòng thành tín trong sạch sáng rõ như hạt châu minh nguyệt.”

Vua tán thán rằng: “Lành thay! Lành thay!”

Vua lại hỏi: “Còn như người tinh tấn thành tín là thế nào?”

Na-tiên đáp: “Hàng đệ tử tu theo Phật, tự sách tấn làm gương cho nhau. Trong số ấy có những người trừ hết các tâm ác, có người đắc quả Tu-đà-hoàn, có người đắc quả Tư-đà-hàm, có người đắc quả A-na-hàm, có người đắc quả A-la-hán, lại có những người học làm theo tâm thành tín. Hết thấy những người ấy đều được thoát khỏi chốn thế tục.

“Ví như có trận mưa rất lớn trên núi cao, nên dòng nước dưới chân núi dâng cao mênh mông. Những người ở hai bên bờ nước đều không biết mức sâu cạn thế nào, nên sợ chẳng dám lội qua.

“Bấy giờ có người từ xa đến, nhìn dòng nước biết được mức rộng hẹp, sâu cạn, rồi

tự lượng sức mình, liền lội xuống nước mà vượt qua. Những người ở hai bên bờ nước liền bắt chước theo người ấy, đều lội qua được dòng nước.

“Hàng đệ tử Phật cũng giống như vậy, phát khởi tâm thành tín vì thấy những người đi trước được tâm thanh tịnh, đắc các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đều là nhờ nơi có thiện tâm với sức tinh tấn.

“Kinh Phật dạy rằng: Người có tâm thành tín, có thể vượt ra khỏi thế tục. Người tu hành trước phải kiềm chế, ngăn chặn được năm mối tham dục, tự biết thân này là khổ, sau mới có thể cứu độ cho người khác. Hết thảy đều là nhờ nơi trí tuệ mà thành tựu đạo đức vậy.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

#### 4. HIẾU THUẬN

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, những gì được gọi là hiếu thuận?”

Na-tiên đáp: “Tất cả các điều lành đều là hiếu thuận. Phạm ba mươi bảy pháp trợ đạo đều do nơi hiếu thuận làm gốc.”

Vua hỏi: “Những gì là ba mươi bảy pháp trợ đạo?”

Na-tiên đáp: “Đó là Bốn pháp dừng ý, Bốn pháp đoạn ý, Bốn pháp thần túc, Năm căn, Năm sức, Bảy giác ý và Tám chánh đạo.”

“Những gì gọi là Bốn pháp dừng ý?”

“Phật dạy rằng, một là quán thân thì thân dừng, hai là quán bệnh khổ thì bệnh khổ

dừng, ba là quán ý thì ý dừng, bốn là quán pháp thì pháp dừng. Như vậy gọi là Bốn pháp dừng ý.”

Vua lại hỏi: “Những gì là Bốn pháp đoạn ý?”

“Khi đã phân biệt được Bốn pháp dừng ý nói trên, không còn khởi niệm trở lại nữa, gọi là Bốn pháp đoạn ý. Đã được Bốn pháp đoạn ý, trong ý niệm liên tục tự nhiên được Bốn thần túc.”

“Những gì là Bốn thần túc trong ý niệm?”

“Một là mắt có thể nhìn thấu khắp nơi, hai là tai có thể nghe thấu khắp nơi, ba là có thể biết được chỗ suy nghĩ trong tâm người khác, bốn là có thể bay đi trên không. Đó là Bốn thần túc trong ý niệm.”

Vua hỏi: “Còn những gì gọi là Năm căn?”

Na-tiên đáp: “Một là mắt thấy các hình sắc đẹp đẽ hay xấu xí, trong ý đều không tham đắm. Hai là tai nghe các âm thanh êm dịu hay lời nhục mạ, trong ý đều không tham đắm. Ba là mũi ngửi mùi hương thơm tho hay khó ngửi, trong ý đều không tham đắm. Bốn là lưỡi nếm các mùi vị ngon ngọt hay cay đắng, trong ý đều không tham đắm. Năm là thân thể xúc chạm êm dịu, trong ý cũng không vui thích; thân thể xúc chạm thô cứng, trong ý cũng không khó chịu. Như vậy gọi là Năm căn.”

Vua lại hỏi: “Còn những gì gọi là Năm sức?”

Na-tiên đáp: “Một là chế ngự được mắt, hai là chế ngự được tai, ba là chế ngự được mũi, bốn là chế ngự được lưỡi, năm là chế ngự được thân. Nhờ đủ sức chế ngự

được năm giác quan ấy nên tâm ý không bị sa đọa, như vậy gọi là Năm sức.”

Vua hỏi: “Những gì là Bảy giác ý?”

Na-tiên đáp: “Một là Ý giác ý, hai là Phân biệt giác ý, ba là Tinh tấn giác ý, bốn là Khả giác ý, năm là Ý giác ý, sáu là Định giác ý, bảy là Hộ giác ý. Đó là Bảy giác ý.”

Vua hỏi: “Những gì gọi là Tám món đạo hạnh?”

Đáp: “Một là chỗ thấy biết chân chánh, hai là suy nghĩ chân chánh, ba là lời nói chân chánh, bốn là việc làm chân chánh, năm là đời sống chân chánh, sáu là tinh tấn chân chánh, bảy là chỗ nhớ nghĩ chân chánh, tám là định ý chân chánh. Đó gọi là Tám món đạo hạnh.



“Phàm ba mươi bảy phẩm trợ đạo này đều lấy hiếu thuận làm gốc.

“Như người mang đồ nặng đặt đẽ nơi xa, có thể vững vàng được là nhờ nơi mặt đất. Các loại ngũ cốc, cây cỏ trên thế gian này, đều sanh từ đất mà mọc hướng lên trời.

“Lại như người muốn xây thành lớn, trước phải lo việc đo đạc làm nền móng, rồi sau mới có thể khởi công xây dựng.

“Lại như người muốn nhào lộn biểu diễn, trước phải lo dọn chỗ đất cho sạch và bằng phẳng, sau mới có thể nhào lộn trên đó.

“Đệ tử Phật muốn cầu đạo, trước phải thực hành theo kinh giáo, trì giới, nhớ nghĩ điều lành, vì rõ biết sự cần khổ nên liền lìa bỏ được các mối ái dục, liền suy tưởng nghĩ nhớ đến Tám chánh đạo.”

Vua lại hỏi: “Nên nhờ vào những điều gì để lìa được các mối ái dục?”

Na-tiên đáp: “Một lòng nghĩ nhớ đến đạo, ái dục tự nhiên diệt mất.”

Vua liền tán thán: “Hay thay! Hay thay!”

## 5. TINH TẤN

Vua hỏi: “Những gì gọi là tinh tấn?”

Na-tiên đáp: “Giữ lấy điều lành đã có, tăng tiến điều lành chưa có, ấy gọi là tinh tấn.

“Như có bức tường nhà sắp đổ, nhờ có trụ chống nên lại đứng vững. Tinh tấn cũng giống như vậy.

“Như có vị vua mang quân đi đánh. Quân không đủ mạnh, vua liền sai thêm quân đến trợ lực, nhờ vậy được chiến thắng.

“Người ta có lắm điều ác, cũng như lúc quân kia yếu ớt. Người giữ được tâm thiện, tiêu diệt các tâm ác, cũng như vua sai quân đến tăng viện mà được chiến thắng.

“Giữ lấy năm tâm thiện, trừ mất năm tâm ác, cũng như chiến đấu được đặc thắng. Như vậy gọi là tinh tấn tăng tiến điều lành.”

Đến đây, ngài Na-tiên đọc kệ rằng:

Tinh tấn giúp thêm sức,  
Người đi trọn đường lành.  
Vượt thoát được thế tục,  
Không còn phải xoay vần.

Vua nghe xong, tán thán rằng: “Hay thay!  
Hay thay!”

## 6. NHỚ NGHĨ ĐIỀU LÀNH

Vua lại hỏi: “Sao gọi là tâm ý luôn nhớ nghĩ điều lành?”

Na-tiên đáp: “Như người hái nhiều thứ hoa, dùng chỉ kết chặt lại thành chuỗi, gió không thổi tung ra được.

“Thí như người giữ kho của vua, biết phân biệt rõ được trong kho vua có các thứ vàng bạc, châu ngọc nhiều ít, tốt xấu thế nào. Người tu hành muốn được đạo, tâm ý luôn nhớ nghĩ đến Ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Như vậy tức là nhớ nghĩ đến đạo xuất thế. Người có nhớ nghĩ đạo lý, nhân đó mới biết được điều lành, điều ác; biết điều nào có thể làm, điều nào không thể làm; phân biệt được tốt xấu, tự suy ngẫm lấy, liền bỏ ác mà làm lành.

“Thí như người giữ cửa cho vua, biết những người nào được vua kính trọng, những người nào vua không kính trọng, những người nào có lợi cho vua, những người nào không có lợi cho vua. Người ấy biết những ai được vua kính trọng, những ai có thể làm lợi cho vua, liền cho vào. Biết những ai vua không kính trọng, những ai không có lợi cho vua, liền không cho vào.

“Người tu hành kiểm soát ý niệm mình cũng như vậy. Những điều lành thì để cho vào, những điều ác thì ngăn giữ lại. Gìn giữ ý lành, chế phục trong tâm cũng lại như vậy.”

Đến đây, ngài Na-tiên dẫn thuyết lời trong kinh rằng:

“Người tu học phải tự kiên cường gìn giữ phòng hộ ý niệm của mình, cảnh giác với sáu món ái dục trong thân. Làm được như vậy mới có thể thoát ra khỏi vòng thế tục.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

## 7. NHẤT TÂM

Vua lại hỏi: “Những gì có thể gọi nhất tâm?”

Na-tiên đáp: “Trong các điều lành, chỉ riêng có nhất tâm là cao hơn hết. Nếu người có thể đạt được nhất tâm, các điều thiện khác đều tùy đó sanh ra.

“Thí như xây dựng lầu gác, muốn vững vàng phải có nền móng chịu đựng. Hết

thấy các điều thiện đều phải do nơi nhất tâm.

“Như có vị vua dẫn bốn đạo quân ra thành chiến đấu, có quân cưỡi voi, quân cưỡi ngựa, quân dùng xe và quân đánh bộ, thấy đều do vua điều khiển. Hết thấy kinh điển, giới luật của Phật, cùng các điều lành khác đều tùy theo nơi nhất tâm, cũng như các đạo quân kia tùy theo vua vậy.”

Đến đây, ngài Na-tiên dẫn kinh thuyết rằng:

“Trong các điều lành, nhất tâm là gốc. Tất cả những người học đạo, trước hết đều phải nương vào sự nhất tâm. Nếu không thì việc sanh tử từ quá khứ đến nay cứ như nước chảy xuôi giòng, trước sau nối nhau không có lúc dừng.”

Vua khen rằng: “Hay thay! Hay thay!”

## 8. TRÍ TUỆ

Vua lại hỏi: “Thế nào là trí tuệ?”

Na-tiên đáp: “Bản tǎng trước đã có nói. Người có trí tuệ có thể dứt trừ các mối nghi, rõ biết các việc lành. Như vậy là trí tuệ.

“Thí như cầm đèn sáng bước vào nhà tối, vừa bước vào thì bóng tối liền tan biến, tự thấy sáng tỏ. Người sáng suốt có trí tuệ, cũng như ánh đèn sáng vậy.

“Lại như người dùng thanh đao bén chặt cây. Người có trí tuệ có thể đoạn dứt các điều ác, cũng như thanh đao bén kia.

“Người ta ở trong thế gian, trí tuệ là cao quý hơn hết. Ai có được trí tuệ, có thể



vượt thoát được qua khỏi sự khổ về sanh tử.”

Vua khen rằng: “Hay thay! Hay thay!”

## 9. CÔNG NĂNG CỦA CÁC ĐIỀU LÀNH

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, từ trước đến giờ ngài đã thuyết dạy đủ các điều khác nhau trong kinh, phải chăng đều chỉ là vì muốn trừ sạch các điều ác?”

Na-tiên đáp: “Đúng vậy! Kinh Phật thuyết dạy các điều lành khác biệt nhau, thảy đều là vì muốn trừ sạch hết thảy các điều ác.

“Như vị vua kia dẫn bốn đoàn quân khác nhau ra trận chiến đấu. Nhưng từ khi phát binh, mỗi mỗi đều chỉ vì muốn công kích quân địch. Phật thuyết trong kinh đủ các

điều lành, cũng chỉ vì muốn công kích, trừ bỏ cho hết các điều ác đi vậy.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay! Đại đức Na-tiên thuyết giảng kinh Phật nghe thật rất thỏa chí!”

## 10. AI TÁI SANH

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức! Như có nói, khi người ta chết đi, theo nơi chỗ thiện hoặc ác đã làm mà tái sanh. Vậy tái sanh đó là thân mạng với thần thức này đi tái sanh chăng? Hay thân mạng với thần thức khác?”

Na-tiên đáp: “Không phải thân mạng với thần thức này, cũng không lìa khỏi thân mạng với thần thức này.”

Khi ấy, ngài Na-tiên hỏi lại vua rằng: “Này đại vương, thân mạng khi còn ấu thơ theo bú sữa mẹ, với thân mạng khi đã lớn khôn, là một hay là khác?”

Vua đáp: “Thân mạng khi còn ấu thơ, vốn là khác.”

Na-tiên nói: “Người ta khi còn ở trong bụng mẹ, từ lúc mới vừa thụ tinh, cho đến thành bào thai có khác nhau chăng? Cho đến hình thành đủ xương cốt, da thịt, có khác nhau chăng? Từ khi sanh ra, cho đến khi tuổi lớn, có khác nhau chăng?”

“Như một người học viết, người khác có thể thay người ấy mà viết hay chăng?”

Vua nói: “Không thể được.”

Na-tiên lại hỏi: “Nhu một người phạm pháp, tội đáng mang ra xử, người vô tội chịu thay được chăng?”

Vua đáp: “Không thể được.”

Đại đức Na-tiên đã dùng các việc như trên mà dẫn dụ, nhưng ý vua vẫn chưa hiểu thấu nên thưa hỏi: “Bạch đại đức, như lại có ai hỏi ngài việc này, ngài giảng giải thế nào?”

Na-tiên đáp: “Thân của bần tăng đây, từ thuở thiếu thời cho đến khi khôn lớn, vốn chỉ là một thân được liên tục nuôi lớn đó thôi.”

Na-tiên lại hỏi vua: “Nhu người thắp lên ngọn đèn lúc đầu hôm, có thể giữ cháy cho đến sáng chăng?”

Vua đáp: “Có thể được.”

Na-tiên lại hỏi: “Lửa đã thắp lên nơi ngọn đèn ấy, lúc đầu hôm, lúc giữa đêm, cho đến lúc gần sáng, có phải cùng một ngọn lửa chăng?”

Vua đáp: “Không phải.”

Na-tiên lại hỏi: “Thắp đèn lúc đầu hôm, lúc nửa đêm có thắp lại chăng? Lúc gần sáng có thắp lại chăng?”

Vua đáp: “Không. Đầu hôm đã thắp đèn, lửa ấy nơi tim đèn cháy mãi cho đến sáng mà thôi.”

Na-tiên nói: “Thần thức của con người tiếp nối mà thay đổi cũng là như thế. Mất ở nơi này, sanh ở nơi khác. Người sanh ra vốn chỉ một thần thức ấy cho đến lúc già chết, rồi sau lại hướng đến một đời sống khác. Tiếp nối mà thay đổi như vậy, nên thật không phải, mà cũng không là cái

thần thức trước đó. Người sau khi chết rồi, thần thức đều phải hướng đến một đời sống mới.

“Ví như dùng sữa mà làm ra bơ, phó-mát, đề-hồ... Có thể nào lấy những đề-hồ, phó-mát, bơ... ấy trở lại gọi là sữa chẳng? Có người nói như vậy, có đúng chẳng?”

Vua đáp: “Lời nói như vậy không đúng.”

Na-tiên nói: “Thần thức con người cũng như sữa kia vậy. Từ sữa mà làm ra bơ, phó-mát, đề-hồ... Thần thức con người cũng như vậy. Do nơi thần thức mà thọ sanh, từ sanh ra cho đến khôn lớn, già chết. Sau khi chết rồi lại tái sanh. Thân này vừa mất liền thọ thân khác, ví như hai vị chúa tể, lại tương quan với nhau như một.”

Vua khen rằng: “Hay thay! Hay thay!”

## 11. KHÔNG CÒN TÁI SANH

Vua lại hỏi Na-tiên: “Như có người không phải tái sinh ở đời sau, người ấy có thể tự biết việc ấy chăng?”

Na-tiên đáp: “Tất nhiên. Người ấy có thể tự biết được.”

Vua hỏi: “Nhờ đâu mà biết?”

Na-tiên đáp: “Người ấy tự biết mình không còn ân tình ái luyến, không còn tham dục, không còn các điều ác trong tâm. Vì thế tự biết không còn phải tái sinh đời sau nữa.”

Na-tiên lại hỏi vua: “Như nhà nông kia cày ruộng, gieo giống, đến khi thu hoạch vào chứa trong kho. Vụ mùa năm sau

người ấy không cày ruộng, không gieo giống, chỉ dùng thóc chứa trong kho. Người nhà nông ấy có mong gì được thu hoạch thóc mới chăng?”

Vua nói: “Nhà nông ấy thật không thể mong như vậy được.”

Na-tiên hỏi: “Nhà nông ấy do đâu mà biết sẽ không có thu hoạch thóc mới?”

Vua đáp: “Vì nhà nông ấy không cày ruộng, không gieo giống trở lại, nên biết không thể mong gì có thu hoạch thóc mới.”

Na-tiên nói: “Người tu hành đắc đạo cũng giống như vậy. Tự biết mình đã dứt bỏ ân tình, ái luyến, vui khổ; không còn tâm tham muốn, vì vậy tự biết là đời sau không còn phải tái sinh nữa.”



## 12. TRÍ TUỆ CỦA NGƯỜI ĐẮC ĐẠO

Vua lại hỏi: “Người đã chấm dứt được sự tái sinh, ngay trong đời này có được trí tuệ khác người thường chăng?”

Na-tiên đáp: “Tất nhiên. Người ấy có trí tuệ khác người thường.”

Vua lại hỏi: “Người ấy có thể sáng suốt hiểu rõ chăng?”

Na-tiên đáp: “Tất nhiên, người ấy có thể sáng suốt hiểu rõ.”

Vua hỏi: “Có trí tuệ và sáng suốt hiểu rõ, hai việc ấy có khác nhau hay chăng?”

Na-tiên đáp: “Hai việc ấy đều như nhau.”

Vua hỏi: “Người có trí tuệ sáng suốt hiểu rõ, có thể hiểu biết hết thấy mọi việc chăng? Có những việc gì không thể hiểu thấu chăng?”

Na-tiên đáp: “Có điều hiểu thấu, có điều không hiểu thấu.”

Vua hỏi: “Những gì hiểu thấu? Những gì không hiểu thấu?”

Na-tiên đáp: “Những gì trước đây chưa từng học đến, không thể hiểu thấu. Những gì đã có học qua, có thể hiểu thấu. Nhưng người có trí đều hiểu thấu được rằng vạn vật thay đều trôi qua đến chỗ không không, chẳng tùy theo ý mình; lòng người tham đắm sự vui thay đều là gieo lầy nhân của sự khổ, dẫn đến sự khổ. Người có trí tuệ biết rõ lý thành bại không thường tồn của sự vật, vì vậy mà khác với kẻ tầm thường.”

Vua hỏi: “Như người có trí tuệ, sự ngu si khi ấy ở đâu?”

Na-tiên đáp: “Người có trí tuệ, những điều ngu si tự nhiên diệt mất. Ví như người cầm đèn sáng đi vào nhà tối, trong nhà liền được chiếu sáng, bóng tối tức thời diệt mất. Trí tuệ cũng như đèn sáng, ngu si như bóng tối. Người có trí tuệ, hết thấy các điều ngu si tất phải bị tiêu diệt.”

Vua lại hỏi: “Diệt hết ngu si rồi, khi ấy trí tuệ ở đâu?”

Na-tiên đáp: “Người sau khi đã dùng trí tuệ mà diệt hết ngu si, thì trí tuệ ấy cũng tự mất. Nhưng những gì mà trí tuệ tạo ra vẫn còn tồn tại.

“Ví như người đang đêm thắp đèn để viết thư. Đèn tắt rồi nhưng lá thư vẫn còn tồn tại. Trí tuệ cũng như vậy. Đã thành tựu được cho người rồi, trí tuệ liền mất,

nhưng những điều đã có được vẫn còn tồn tại.”

Vua nói: “Đại đức bảo rằng trí tuệ thành tựu cho người rồi tự mất. Xin nói rõ thêm về lời ấy.”

Na-tiên đáp: “Ví như người muốn phòng hỏa hoạn, nên chuẩn bị sẵn 5 thùng nước lớn. Khi có hỏa hoạn, liền dùng nước trong 5 thùng ấy mà dập tắt lửa. Lửa đã tắt rồi, người ấy còn có ý muốn dùng mấy cái thùng nữa hay chằng?”

Vua đáp: “Người ấy tất không còn muốn dùng mấy cái thùng nữa. Lửa đã tắt, dùng mấy cái thùng ấy mà làm chi?”

Na-tiên nói: “Người tu học dùng năm tâm lành diệt hết các điều ác, cũng giống như những thùng nước kia dập tắt lửa.”

## 13. NĂM TÂM LÀNH

Vua hỏi: “Những gì là năm tâm lành?”

Na-tiên đáp: “Một là tin vào điều thiện, điều ác. Hai là không hủy báng kinh điển, giới luật. Ba là tinh tấn. Bốn là ân cần nhớ nghĩ các điều lành. Năm là một lòng nhớ nghĩ đến đạo pháp. Đó là năm điều lành. Người có thể làm theo năm điều lành ấy, liền được trí tuệ sáng suốt, hiểu rõ được thân mạng này cũng như vạn vật đều không thường tồn, hiểu được lẽ khổ não, rằng mọi việc đều không theo như ý muốn, hiểu được lẽ không có gì là sở hữu cả.

“Ví như vị thầy thuốc mang năm loại thuốc đến nhà người bệnh. Lấy năm thứ thuốc ấy cho bệnh nhân uống, được khỏi

bệnh. Sau đó, thầy thuốc có còn muốn dùng các loại thuốc ấy nữa chăng?”

Vua đáp: “Bệnh đã khỏi, tất nhiên không còn muốn dùng các loại thuốc ấy nữa.”

Na-tiên nói: “Năm loại thuốc ấy, ví như năm điều lành, như trí tuệ. Người thầy thuốc ấy cũng như người học đạo. Bệnh ấy ví như các điều ác. Ngu si ví như bệnh nhân. Hiểu đạo rồi, xa lìa cõi thế, như bệnh nhân được khỏi. Trí tuệ đã thành tựu, người học đạo đã vượt ra khỏi thế tục, chứng đắc đạo pháp, trí tuệ liền tự diệt mất. Ví như người dũng sĩ chiến đấu, nhắm vào kẻ địch mà bắn ra năm mũi tên, được đắc thắng. Đã chiến thắng rồi, người ấy còn có muốn được lại năm mũi tên ấy chăng?”

Vua đáp: “Không, không thể muốn được lại năm mũi tên ấy.”

Na-tiên nói: “Năm mũi tên như năm điều sáng suốt của người. Người trí nhờ trí mà được đạo, như dũng sĩ kia chiến thắng kẻ địch. Các điều ác cũng như kẻ địch. Người tu giữ lấy năm điều lành, diệt hết các điều ác. Các điều ác đã diệt, trí tuệ lành tất sanh. Người tu nhờ nơi trí tuệ lành mà được độ thoát.

## QUYỂN TRUNG

### I. CÁC VẤN ĐỀ VỀ TÂM THỨC

#### 1. CẢM XÚC VÀ SỰ KHỔ, VUI

Vua hỏi: “Bạch đại đức, người ta thấy vui trong lòng, điều ấy là thiện hay bất thiện? Người ta thấy khổ trong lòng, điều ấy là thiện hay bất thiện? Phật có thuyết các

pháp vui hoặc khổ chăng? Như khiến cho các pháp hữu vi không phải khổ.”

Na-tiên liền hỏi vua: “Này đại vương, như có người đốt hòn sắt nóng đỏ, nắm trong lòng bàn tay, hòn sắt có làm người ấy rất khó chịu chăng? Lại trong lòng bàn tay kia nắm chặt một cục băng, cục băng có làm người ấy rất khó chịu chăng?”

Vua đáp: “Tất nhiên, cả hai đều có sức gây khó chịu như nhau.”

Na-tiên hỏi vua: “Như vậy, vật trong hai tay người ấy, có phải đều nóng cả chăng?”

“Không phải đều nóng cả.”

“Hay là đều lạnh cả chăng?”

“Cũng không phải đều lạnh cả.”



Na-tiên nói: “Cả hai vật ấy đều gây khó chịu. Bần tăng đã hai lần hỏi đại vương. Nếu cả hai đều nóng, nên nói là đều nóng; nếu cả hai đều lạnh, nên nói là đều lạnh. Nay vì sao một lạnh, một nóng, lại có thể nói là đều gây khó chịu cho người?”

Vua nói: “Trẫm không đủ trí tuệ hiểu rõ việc này. Xin đại đức vì trẫm giảng giải.”

Na-tiên đáp: “Kinh Phật nói rằng: Có sáu việc khiến cho người ta đắm vào sự vui, có sáu việc khiến người ta đắm vào sự buồn, lại có sáu việc khiến người ta không vui, có sáu việc khiến người ta không vui cũng không buồn.

“Còn có sáu việc giúp người ta thoát ra khỏi sự vui, sáu việc giúp người ta thoát ra khỏi sự buồn.”

Vua hỏi: “Những gì là sáu việc khiến người ta chìm đắm vào sự vui?”

Na-tiên đáp: “Một là mắt nhìn thấy, trong lòng mong mỗi có được mãi, vì thế nên vui. Hai là tai nghe âm thanh dễ chịu, trong lòng mong mỗi có được mãi, vì thế nên vui. Ba là mũi ngửi hương thơm, trong lòng mong mỗi có được mãi, vì thế nên vui. Bốn là lưỡi nếm vị ngon, trong lòng mong mỗi có được mãi, vì thế nên vui. Năm là thân xúc chạm êm ái, trong lòng mong mỗi có được mãi, vì thế nên vui. Sáu là trong ý được vui, trong lòng mong mỗi có được mãi, vì thế nên vui. Như vậy là sáu việc khiến người ta chìm đắm vào sự vui.”

Vua lại hỏi: “Những gì là sáu việc giúp người ta thoát ra khỏi sự vui?”

Na-tiên đáp: “Một là mắt thấy sắc đẹp, lòng nghĩ nhớ rằng chẳng thể được như vậy mãi, liền sanh tâm dứt bỏ, tự suy nghĩ hiểu thấu lẽ vô thường, nhờ vậy thoát ra khỏi sự vui.

“Hai là tai nghe âm thanh dễ chịu, lòng nghĩ nhớ rằng chẳng thể được như vậy mãi, liền sanh tâm dứt bỏ, nhờ vậy thoát ra khỏi sự vui.

“Ba là mũi ngửi hương thơm, lòng nghĩ nhớ rằng chẳng thể được như vậy mãi, liền sanh tâm dứt bỏ, nhờ vậy thoát ra khỏi sự vui.

“Bốn là lưỡi nếm vị ngon, lòng nghĩ nhớ rằng chẳng thể được như vậy mãi, liền sanh tâm dứt bỏ, nhờ vậy thoát ra khỏi sự vui.

“Năm là thân xúc chạm êm ái, lòng nghĩ nhớ rằng chẳng thể được như vậy mãi, liền sanh tâm dứt bỏ, nhờ vậy thoát ra khỏi sự vui.

“Sáu là ý nghĩ đến ái dục, lòng nghĩ nhớ rằng chẳng thể được như vậy mãi, liền sanh tâm dứt bỏ, nhờ vậy nên thoát ra khỏi sự vui.

“Như vậy là sáu việc giúp người ta thoát ra khỏi sự vui.”

Vua hỏi: “Những gì là sáu việc khiến người ta chìm đắm vào sự buồn?”

Na-tiên đáp: “Một là những điều mắt không ưa thích mà phải nhìn thấy, nên sanh tâm buồn. Hai là những điều tai không muốn nghe mà phải nghe, nên sanh tâm buồn. Ba là những mùi mũi không ưa ngửi mà phải ngửi, nên sanh tâm buồn.

Bốn là những vị lười không ưa nếm mà phải nếm, nên sanh tâm buồn. Năm là những điều thân không ưa thích mà phải xúc chạm, nên sanh tâm buồn. Sáu là những điều ý không ưa thích mà phải nghĩ tưởng, nên sanh tâm buồn. Như vậy là sáu việc khiến người ta chìm đắm vào sự buồn.”

Vua hỏi: “Những gì là sáu việc khiến người ta không vui?”

Na-tiên đáp: “Một là mắt thấy những hình sắc xấu xí, khiến người không vui. Hai là tai nghe những âm thanh khó chịu, khiến người không vui. Ba là mũi ngửi những mùi hôi thối, khiến người không vui. Bốn là lười nếm những vị cay đắng, khiến người không vui. Năm là thân xúc chạm những vật thô nhám, khiến người không vui. Sáu là trong ý ôm ấp những sự oán

ghét, khiến người không vui. Như vậy là sáu việc khiến người ta không vui.”

Vua lại hỏi: “Những gì là sáu việc khiến người ta không buồn cũng không vui?”

Na-tiên đáp: “Một là mắt thấy hình sắc, lòng không buồn, cũng không vui. Hai là tai nghe âm thanh, lòng không buồn, cũng không vui. Ba là mũi ngửi hương thơm, lòng không buồn, cũng không vui. Bốn là lưỡi nếm mùi vị, lòng không buồn, cũng không vui. Năm là thân có xúc chạm, lòng không buồn, cũng không vui. Sáu là ý có suy nghĩ, lòng không buồn, cũng không vui. Như vậy là sáu việc khiến người ta không buồn cũng không vui.”

Vua lại hỏi: “Những gì là sáu việc giúp người ta thoát ra khỏi sự buồn rầu?”

Na-tiên đáp: “Một là mắt nhìn thấy sự chết, nhân đó suy ngẫm rằng thân mình với vạn vật đều vô thường. Người ấy tự nghĩ rằng: Ta đã có được ý nghĩ này, làm sao lại không đắc đạo? Như vậy thoát ra khỏi sự buồn rầu.

“Hai là tai không ưa thích những âm thanh hay lạ. Người ấy tự nghĩ rằng: Ta đã có được ý nghĩ này, làm sao lại không đắc đạo? Như vậy thoát ra khỏi sự buồn rầu.

“Ba là mũi không ưa thích mùi hương thơm. Người ấy tự nghĩ rằng: Ta đã có được ý nghĩ này, làm sao lại không đắc đạo? Như vậy thoát ra khỏi sự buồn rầu.

“Bốn là lưỡi không sợ những vị nhạt đắng. Người ấy tự nghĩ rằng: Ta đã có

được ý nghĩ này, làm sao lại không đắc đạo? Như vậy thoát ra khỏi sự buồn rầu.

“Năm là thân không ưa những sự xúc chạm mềm mại. Người ấy tự nghĩ rằng: Ta đã có được ý nghĩ này, làm sao lại không đắc đạo? Như vậy thoát ra khỏi sự buồn rầu.

“Sáu là ý không ưa thích sự ái dục. Người ấy tự nghĩ rằng: Ta đã có được ý nghĩ này, làm sao lại không đắc đạo? Như vậy thoát ra khỏi sự buồn rầu.

“Như vậy là sáu việc giúp người ta thoát ra khỏi sự buồn rầu.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

## **2. SAU KHI CHẾT**



Vua hỏi: “Người ta sau khi chết đi rồi, những gì sẽ sanh trở lại ở đời sau?”

Na-tiên đáp: “Là danh và thân sanh trở lại ở đời sau.”

Vua hỏi: “Có phải là danh và thân của đời này sanh trở lại chăng?”

Na-tiên đáp: “Không phải! Không phải danh, cũng không phải thân của đời này sanh trở lại. Nhưng do nơi danh và thân của đời này tạo tác các việc thiện ác, nên đời sau mới có danh và thân theo đó sanh ra.”

Vua hỏi: “Như nói rằng danh và thân của đời này làm các việc thiện hoặc ác, đời sau danh thân ấy lại chăng sanh ra, vậy người có làm những điều cực ác, cuối cùng cũng có thể được thoát khỏi, không phải chịu lấy những điều khổ hay sao?”

Na-tiên đáp: “Như người đời nay làm việc thiện, sau không sanh ra nữa, cũng nói là được thoát khỏi sao? Người tạo tác các việc thiện ác không dừng nghỉ, vậy nên không thể thoát được nghiệp quả.

“Ví như có người hái trộm quả xoài của người khác. Người chủ bắt được, giải đến trước vua khiếu nại rằng: Người này hái trộm xoài của tôi.

“Người hái trộm xoài liền nói: Tôi không có hái trộm xoài của ông này. Ông này ngày trước chỉ có trồng cây xoài con, vốn không có trồng quả xoài. Nay tôi tự tay hái được quả xoài, sao gọi là trộm? Tôi không có hái xoài của ông ta, nên không có tội.”

Na-tiên hỏi vua: “Này đại vương, hai người tranh nhau như thế, ai đúng ai sai?”

Vua đáp: “Người trồng cây xoài con là đúng. Kẻ trộm kia không có lý, tất phải chịu buộc tội.”

Na-tiên hỏi: “Kẻ trộm vì sao có tội?”

Vua đáp: “Sở dĩ nói kẻ ấy có tội, là vì nhân có người trồng cây xoài con ngày xưa, mới thành cây cao lớn, có quả như ngày nay.”

Na-tiên nói: “Việc sanh ra của con người cũng giống như vậy. Đời này, với danh và thân này tạo tác các việc thiện ác, tùy theo đó mà thọ sanh ở đời sau. Tạo các việc thiện ác trong đời này là gốc vậy.

“Ví như có người gặt trộm lúa người khác. Chủ ruộng bắt được nói rằng: Ông gặt trộm lúa của tôi.

“Người ấy nói: Tôi không có trộm lúa của ông. Ông gieo mạ xuống ruộng, tôi tự cắt lúa mà lấy, làm sao gọi tôi là trộm?”

“Hai bên tranh cãi, cùng đưa nhau đến chỗ vua, trình bày lại sự việc. Như vậy, ai đúng ai sai?”

Vua đáp: “Người đã gieo mạ là đúng, người gặt trộm lúa là không đúng?”

Na-tiên hỏi: “Vì sao biết kẻ gặt trộm lúa là không đúng?”

Vua nói: “Vì việc gieo mạ là nguyên nhân, như không có người gieo mạ, làm sao có được bông lúa?”

Na-tiên nói: “Việc sanh ra của con người cũng giống như vậy. Đời này, với danh và thân này tạo tác các việc thiện ác, tùy theo

đó mà thọ sanh ở đời sau. Tạo các việc thiện ác trong đời này là gốc vậy.

“Ví như ngày đông giá rét, có người nhóm lửa trong nhà để sưởi ấm. Người ấy lại để lửa như vậy mà bỏ đi, dần dần lửa bén ra vách nhà, làm cháy nhà, lây sang đến các nhà gần đó. Chủ nhà bị hại bắt người ấy đưa đến chỗ vua, tâu rằng: Người này nhóm lửa, làm cháy nhà tôi.

“Người ấy nói: Tôi chỉ nhóm một đồng lửa nhỏ để sưởi ấm mà thôi. Tôi không có đốt nhà.”

Na-tiên hỏi vua: “Như vậy ai đúng, ai sai?”

Vua đáp: “Người nhóm lửa ấy sai rồi. Vì chính do lửa ấy mà sanh ra đám cháy.”

Na-tiên nói: “Việc sanh ra của con người cũng giống như vậy. Đời này, với danh và thân này tạo tác các việc thiện ác, tùy theo đó mà thọ sanh ở đời sau. Tạo các việc thiện ác trong đời này là gốc vậy.

“Ví như có người đang đêm đốt đuốc cắm trên tường để soi sáng mà ăn cơm. Đuốc cháy rơi tàn, bén lửa ra vách, rồi thiêu cháy cả nhà người ấy, lại lan ra cháy cả thành lớn. Nhân dân trong thành cùng đến hỏi người ấy rằng: Vì sao ông đốt lửa thiêu cháy cả thành này?

“Người ấy đáp: Tôi chỉ đốt lên một cây đuốc nhỏ để chiếu sáng khi ăn cơm. Ngọn lửa lớn thiêu đốt cả thành này không phải lửa của tôi.

“Cứ như vậy, đôi bên tranh cãi với nhau, cùng lôi kéo đến trước vua trình bày mọi việc.”

Đại đức Na-tiên hỏi vua rằng: “Như trong chuyện này, ai đúng ai sai?”

Vua đáp: “Người đốt lửa không đúng.”

Na-tiên hỏi: “Làm sao biết?”

Vua đáp: “Vì chính là do nơi lửa của người ấy sanh ra đám cháy. Người ăn cơm xong không chịu dập tắt lửa, để cho lửa ấy lan ra làm cháy cả thành.”

Na-tiên nói: “Việc sanh ra của con người cũng giống như vậy. Đời này, với danh và thân này tạo tác các việc thiện ác, tùy theo đó mà thọ sanh ở đời sau. Tạo các việc thiện ác trong đời này là gốc vậy.

“Người ta vì si mê không biết, tạo tác các việc thiện ác, nên không thể được thoát khỏi sanh tử.

“Ví như có người mang sính lễ đến đính hôn với một cô gái còn nhỏ tuổi. Sau cô gái ấy lớn lên, lại có người khác mang lễ đến cưới về làm vợ. Người đã đính hôn khi trước liền tìm đến nói rằng: Sao ông cưới vợ của tôi?

“Người kia đáp: Ông trước kia đính hôn với một cô gái còn nhỏ tuổi, còn tôi nay cưới một thiếu nữ đã khôn lớn về làm vợ. Vậy sao nói là tôi cưới vợ của ông?

“Hai người tranh nhau, cùng đưa đến chỗ vua xin phán xét.”

Na-tiên hỏi: “Này đại vương, chuyện là như vậy, ai đúng ai sai?”



Vua đáp: “Người mang sính lễ đính hôn trước là đúng.”

Na-tiên hỏi: “Làm sao đại vương biết là đúng?”

Vua đáp: “Chính là cô gái nhỏ tuổi ngày trước, nay lớn lên cũng chỉ là một người ấy mà thôi. Vậy nên biết kẻ mang sính lễ đến trước là đúng, vì cô gái xem như đã là vợ người ấy.”

Na-tiên nói: “Việc sanh ra của con người cũng giống như vậy. Đời này, với danh và thân này tạo tác các việc thiện ác, tùy theo đó mà thọ sanh ở đời sau. Tạo các việc thiện ác trong đời này là gốc vậy.

“Ví như có người mang bình đến nhà người nuôi bò để mua sữa. Mua sữa rồi đi về, gởi bình sữa lại mà nói với người chủ rằng: Để tôi trở lại lấy sau.

“Đi về rồi, chẳng bao lâu trở lại. Khi ấy sữa đã chuyển thành sữa chua. Người ấy nói với chủ bò rằng: Tôi đem bình sữa tươi gởi cho ông, sao nay ông lại lấy bình sữa chua đưa cho tôi?”

“Người bán sữa nói: Ấy chính là sữa của ông, tự nó chuyển thành sữa chua đó thôi.”

“Hai người tranh nhau chẳng ai nhường ai, cùng đưa đến chỗ vua nhờ phân xử.”

Na-tiên hỏi vua: “Trong chuyện này, đại vương xử ai đúng, ai sai?”

Vua đáp: “Người bán sữa là đúng.”

Na-tiên hỏi: “Vì sao đại vương biết như vậy?”

Vua đáp: “Người mua sữa rồi để lại, tự nó hóa thành sữa chua. Người bán sữa đâu có lỗi gì?”

Na-tiên nói: “Việc sanh ra của con người cũng giống như vậy. Đời này, với danh và thân này tạo tác các việc thiện ác, tùy theo đó mà thọ sanh ở đời sau. Tạo các việc thiện ác trong đời này là gốc vậy.

### 3. NGUYÊN NHÂN TÁI SANH

Vua lại hỏi: “Như đại đức có còn phải sanh ra ở đời sau nữa hay chăng?”

Na-tiên đáp: “Đại vương hỏi lại điều bản tăng đã nói trước đây rồi vậy. Như bản tăng còn có ân tình ái luyến, đời sau ắt phải tái sanh. Như dứt sạch được ân tình ái luyến, đời sau không phải tái sanh.

“Ví như có người mang hết sức lực phụng sự cho vua. Vua hiểu việc ấy, nên đem rất nhiều tài vật ban thưởng cho. Người ấy được thưởng hậu, các món ăn uống, y

phục đều đầy đủ, sống đời vui vẻ. Gặp khi bàn luận chuyện trò, người ấy nói rằng: Ta vốn có công với vua, vua lại chưa từng ban thưởng cho ta.”

Na-tiên hỏi vua: “Như người kia, đã được ban thưởng, sau lại nói ngược lại rằng chưa từng được thưởng. Lời nói của người ấy có đúng hay chẳng?”

Vua đáp: “Lời nói kẻ ấy thật không đúng.”

Na-tiên nói: “Vì vậy, bần tăng nói với đại vương rằng: Như bần tăng còn có ân tình ái luyến, đời sau ắt phải tái sanh. Như dứt sạch được ân tình ái luyến, đời sau không phải tái sanh.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

## 4. DANH VÀ THÂN

Vua lại hỏi: “Vừa rồi đại đức có dạy về danh và thân của con người. Chẳng hay những gì là danh? Những gì là thân?”

Na-tiên đáp: “Những gì đại vương hiện nhìn thấy tồn tại đây là thân, những gì trong tâm nghĩ biết là danh.”

Vua lại hỏi: “Vì sao danh có thể sanh ra ở đời sau mà thân thì lại không?”

Na-tiên đáp: “Thân với danh trước sau đều có tương quan với nhau. Ví như phôi gà trong trứng, phải có lòng trắng và vỏ trứng bao quanh thì sau mới có thể nở thành con gà con. Danh và thân của người ta tương quan với nhau cũng giống như vậy, không thể chia tách ra được.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

## 5. VÒNG TRÒN SANH TỬ

Vua lại hỏi Na-tiên: “Những gì là lâu dài?”

Na-tiên đáp: “Việc quá khứ là lâu, việc tương lai cũng là lâu. Những gì đang nhìn thấy trong hiện tại không lâu.”

Vua nói: “Hay thay!”

Vua lại hỏi: “Thật ra, có thật có sự lâu dài hay chẳng?”

Na-tiên đáp: “Sự lâu dài ấy, hoặc có, hoặc không.”

Vua hỏi: “Sao gọi là có? Sao gọi là không?”

Na-tiên đáp: “Những người đã đắc nhập Niết-bàn, không còn có sự lâu dài nữa. Đối với những ai chưa đắc đạo, còn lưu chuyển trong vòng sanh tử, tất nhiên còn có sự lâu dài. Trong sự luân chuyển lâu dài ấy, những ai đời này hay làm việc bố thí, hiếu thuận với cha mẹ, đời sau chắc chắn sẽ được hưởng phước báo.”

Vua khen rằng: “Hay thay! Hay thay!”

Vua lại hỏi: “Như trong các việc quá khứ, tương lai và hiện tại, ba việc ấy lấy gì làm gốc?”

Na-tiên đáp: “Như xét cả ba việc quá khứ, tương lai và hiện tại, sự ngu si chính là gốc rễ. Ngu si sanh ra, tức sanh thần thức. Thần thức sanh tức có sanh ra thân. Thân sanh ra danh, danh sanh ra sắc. Sắc sanh ra sáu sự nhận biết. Sáu sự nhận biết ấy là

mắt nhận biết, tai nhận biết, mũi nhận biết, lưỡi nhận biết, thân nhận biết và ý nhận biết. Sáu sự nhận biết này đều hướng ra bên ngoài.

“Thế nào là hướng theo bên ngoài? Mắt hướng theo hình sắc, tai hướng theo âm thanh, mũi hướng theo hương thơm, lưỡi hướng theo mùi vị, thân hướng theo xúc chạm, ý hướng theo tham dục. Đó là sáu sự hướng theo bên ngoài, gọi là sáu nhập. Nhập là hiệp lại, là biết khổ, biết vui. Từ khổ vui mà sanh ra ân ái, lại theo nơi ân ái mà sanh ra tham dục, từ tham dục sanh ra chấp hữu, liền làm nhân sanh ra sự già yếu. Già yếu là nhân sanh ra bệnh khổ. Bệnh khổ là nhân sanh ra sự chết. Do sự chết sanh ra buồn đau sâu khổ trong tâm.

“Vậy nên sự hiệp lại ấy đều là khổ não, do hiệp lại mà giả tạm gọi là người. Người



do đây mà luân chuyển mãi trong sanh tử, không có lúc dừng. Muốn tìm lại cái thân trước đây thật là không thể được.

“Ví như người trồng lúa, gieo hạt xuống, sanh lên thành cây, ra lá, đơm bông, ngậm hạt, cho đến khi có lúa gặt về. Năm sau lại gieo trồng nữa, lại được nhiều lúa nữa.”

Na-tiên hỏi: “Như người trồng lúa ấy, năm nào cũng gieo trồng, vậy có khi nào dứt đoạn không có lúa chăng?”

Vua đáp: “Nếu như năm nào cũng gieo trồng, tất không có khi nào dứt đoạn không có lúa.”

Na-tiên nói: “Con người cũng vậy. Luân chuyển nối tiếp mà sanh ra, không có lúc nào gián đoạn.

“Ví như con gà sanh ra cái trứng, cái trứng nở ra con gà... nối tiếp mà sanh mãi. Việc sanh tử của con người cũng vậy, nên không có khi nào gián đoạn.”

Đại đức Na-tiên nhân đó cúi xuống vẽ một bánh xe tròn trên mặt đất, hỏi vua rằng: “Này đại vương, như trong cái bánh xe này, có chỗ nào là góc cạnh chăng?”

Vua đáp: “Là hình tròn, nên không có góc cạnh.”

Na-tiên nói: “Kinh Phật dạy rằng, việc sanh tử của người ta cũng như cái bánh xe tròn này, liên tục xoay vòng, không có lúc nào chấm dứt.

“Người ta do nơi mắt, thấy được cảnh sắc vạn vật, nhân đó nhận biết. Như vậy là ba việc cùng hiệp lại. Do sự hiệp lại ấy sanh ra sự khổ hoặc vui. Do khổ vui mà sanh

ân ái, do ân ái sanh ra tham dục. Do tham dục sanh ra nguyên nhân của chấp hữu. Do nơi chấp hữu mà có sanh mạng. Do sanh mạng mà tạo tác các việc thiện ác. Do tạo tác các việc thiện ác nên phải chịu tái sanh.

“Do nơi tai, nghe được âm thanh, nhân đó nhận biết. Như vậy là ba việc cùng hiệp lại. Do sự hiệp lại ấy sanh ra sự khổ hoặc vui. Do khổ vui mà sanh ân ái, do ân ái sanh ra tham dục. Do tham dục sanh ra nguyên nhân của chấp hữu. Do nơi chấp hữu mà có sanh mạng. Do sanh mạng mà tạo tác các việc thiện ác. Do tạo tác các việc thiện ác nên phải chịu tái sanh.

“Do nơi mũi, ngửi được mùi hương, nhân đó nhận biết. Như vậy là ba việc cùng hiệp lại. Do sự hiệp lại ấy sanh ra sự khổ hoặc vui. Do khổ vui mà sanh ân ái, do ân

ái sanh ra tham dục. Do tham dục sanh ra nguyên nhân của chấp hữu. Do nhân nơi chấp hữu mà có sanh mạng. Do sanh mạng mà tạo tác các việc thiện ác. Do tạo tác các việc thiện ác nên phải chịu tái sanh.

“Do nơi lưỡi, nếm được mùi vị, nhân đó nhận biết. Như vậy là ba việc cùng hiệp lại. Do sự hiệp lại ấy sanh ra sự khổ hoặc vui. Do khổ vui mà sanh ân ái, do ân ái sanh ra tham dục. Do tham dục sanh ra nguyên nhân của chấp hữu. Do nơi chấp hữu mà có sanh mạng. Do sanh mạng mà tạo tác các việc thiện ác. Do tạo tác các việc thiện ác nên phải chịu tái sanh.

“Do nơi thân, xúc chạm các thứ mềm mại hoặc thô nhám, nhân đó nhận biết. Như vậy là ba việc cùng hiệp lại. Do sự hiệp lại ấy sanh ra sự khổ hoặc vui. Do khổ vui

mà sanh ân ái, do ân ái sanh ra tham dục. Do tham dục sanh ra nguyên nhân của chấp hữu. Do nơi chấp hữu mà có sanh mạng. Do sanh mạng mà tạo tác các việc thiện ác. Do tạo tác các việc thiện ác nên phải chịu tái sanh.

“Do nơi ý, suy nghĩ các việc, nhân đó nhận biết. Như vậy là ba việc cùng hiệp lại. Do sự hiệp lại ấy sanh ra sự khổ hoặc vui. Do khổ vui mà sanh ân ái, do ân ái sanh ra tham dục. Do tham dục sanh ra nguyên nhân của chấp hữu. Do nơi chấp hữu mà có sanh mạng. Do sanh mạng mà tạo tác các việc thiện ác. Do tạo tác các việc thiện ác nên phải chịu tái sanh.

“Người ta cứ như vậy, nối tiếp tương tục mà sanh ra, không có lúc dừng lại.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

## 6. CỘI NGUỒN SANH TỬ

Vua lại hỏi Na-tiên: “Đại đức có dạy rằng việc sanh tử của con người không thể tìm đến chỗ khởi điểm. Không thể tìm được, là ý thế nào?”

Na-tiên đáp: “Như có chỗ khởi điểm, tất không còn phải sanh ra trở lại nữa. Lại như có chỗ khởi điểm, tất phải nằm trong quá khứ rồi.”

Vua nói: “Trẫm cho rằng không có chỗ khởi điểm, tất không sanh ra trở lại. Như thấy có chỗ khởi điểm, tất ở trong quá khứ. Như vậy, chỗ khởi điểm ấy là không dứt chãng?”

Na-tiên đáp: “Đúng vậy, tất cả đều là quá khứ.”

Vua lại hỏi Na-tiên: “Người ta trong chỗ sanh tử, có thể nhờ nơi những gì ở bên ngoài mà được tăng thêm ích lợi chăng?”

Na-tiên hỏi lại vua: “Người và hết thảy các động vật lớn nhỏ trong thế gian, có thể nhờ nơi những gì ở bên ngoài mà được tăng thêm ích lợi chăng?”

Vua nói: “Trẫm không hỏi ngài về người và hết thảy các động vật lớn nhỏ trong thế gian. Trẫm chỉ muốn hỏi ngài về chỗ căn bản sanh tử của con người mà thôi.”

Na-tiên nói: “Cây cối sanh ra, do cây non làm căn bản. Các loại ngũ cốc sanh ra, do hạt giống làm căn bản. Trong trời đất vạn vật lớn nhỏ đều tùy theo chủng loại mà có

căn bản sanh ra. Đối với con người thì có sáu mối tình ân ái làm căn bản.

“Người có mắt, có thấy hình sắc, có nhận biết; có tai, có nghe âm thanh, có nhận biết; có mũi, có ngửi hương, có nhận biết; có lưỡi, có nếm vị, có nhận biết; có thân, có xúc chạm, có nhận biết; có ý, có các pháp, có nhận biết. Do nơi mười tám pháp ấy mà sanh ra sự khổ, vui. Do khổ, vui sanh ra ân ái. Do ân ái mà sanh tham dục. Do tham dục mà sanh xúc hiệp.

“Các mối khổ ấy ấy hợp thành con người. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý khiến cho có sự chấp hữu nơi sáu trần, cùng với sự xúc hiệp mà thành sáu nhập. Do sáu nhập ấy mà thành biết khổ, biết vui. Từ khổ vui mà sanh ra ân ái, lại theo nơi ân ái mà sanh ra tham dục, từ tham dục sanh ra chấp hữu, liền làm nhân sanh ra sự già



yếu. Già yếu là nhân sanh ra bệnh khổ. Bệnh khổ là nhân sanh ra sự chết. Do sự chết sanh ra buồn đau sâu khổ trong tâm. Sự sống con người là như vậy.

“Như không có mắt tức không thấy cảnh sắc, không nhận biết. Không nhận biết nên không có xúc hiệp. Không xúc hiệp thì không có khổ, vui. Không có khổ vui nên không sanh ân ái. Không ân ái thì không có tham dục. Không tham dục thì không có sự chấp hữu. Không chấp hữu thì không có già, bệnh, chết, cũng không có buồn đau sâu khổ trong tâm, liền thoát hết các sự khổ não mà đắc nhập cảnh giới Niết-bàn.

“Như không có tai tức không nghe âm thanh, không có mũi tức không ngửi mùi hương, không có lưỡi tức không nếm được vị, không có thân tức không có sự

xúc chạm, không có ý tức không sanh các ý nghĩ, không có sự xúc nhập. Không có xúc nhập thì không có khổ, vui. Không có khổ vui nên không sanh ân ái. Không ân ái thì không có tham dục. Không tham dục thì không có bào thai. Không có bào thai thì không có chỗ sanh ra, không có già, bệnh, chết, cũng không có buồn đau sâu khổ trong tâm. Dứt hết được các sự khổ não, liền đắc nhập cảnh giới Niết-bàn.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

## 7. NHÂN DUYÊN SANH

Vua lại hỏi đại đức Na-tiên rằng: “Trong thế gian, có vật gì tự nhiên mà sanh ra chẳng?”

Na-tiên đáp: “Không có vật gì tự nhiên sanh ra cả. Thấy đều phải có nguyên nhân.”

Liên đó, Na-tiên hỏi vua: “Như cung điện mà vua đang ngự đây, có phải do sức người làm ra chẳng? Hay tự nhiên sanh ra?”

Vua đáp: “Ấy là do nhân công làm ra, cây cối lấy từ trong rừng, gạch xây tường lấy đất làm ra.”

Na-tiên nói: “Con người cũng như vậy. Do mười tám giới hòa hiệp lại mà thành con người. Vậy nên nói là không có vật gì tự nhiên sanh ra, thấy đều phải có nguyên nhân. Ví như người thợ đồ gốm làm ra các món đồ, phải lấy bùn đất hòa với nước, nhồi nặn, nung ra mà thành. Bùn đất kia không thể tự nhiên mà thành đồ vật, phải

hội đủ công sức của người, lại có lửa nung chín mới thành món đồ. Vậy nên nói là không có vật gì tự nhiên sanh ra, thấy đều phải có nguyên nhân.”

Na-tiên lại hỏi vua: “Như cây đàn kia không có dây, không có phím, không có người gảy, có thành âm thanh chẳng?”

Vua đáp: “Không, không thể tự nhiên mà thành âm thanh được.”

Na-tiên hỏi: “Như đàn có dây, có phím, có người gảy đàn, có thành âm thanh chẳng?”

Vua đáp: “Bạch đại đức, có.”

Na-tiên nói: “Như vậy đó. Cho nên trong thiên hạ không có vật gì tự nhiên sanh ra, hết thấy đều phải có nguyên nhân.”

Na-tiên lại hỏi vua “Như việc xát cây lấy lửa, như không có hai thanh gỗ, không có người xát gỗ, có thể có lửa chăng?”

Vua đáp: “Không thể có lửa được.”

Na-tiên hỏi: “Như có đủ hai thanh gỗ, có người xát vào nhau, có sanh ra lửa chăng?”

Vua đáp: “Tất nhiên, như vậy phải sanh ra lửa.”

Na-tiên nói: “Như vậy đó. Cho nên trong thiên hạ không có vật gì tự nhiên sanh ra, hết thảy đều phải có nguyên nhân.”

Na-tiên lại hỏi: “Như tấm kính lấy lửa, không có người cầm giữ, lại không có mặt trời đốt nóng, có thể có lửa chăng?”

Vua đáp: “Không thể có lửa được.”

Na tiên hỏi: “Như có người cầm giữ tấm kính ấy, lại có mặt trời đốt nóng, có thể có lửa chẳng?”

Vua đáp: “Tất nhiên, như vậy phải sanh ra lửa.”

Na-tiên nói: “Như vậy đó. Cho nên trong thiên hạ không có vật gì tự nhiên sanh ra, hết thấy đều phải có nguyên nhân.”

Na-tiên lại hỏi vua: “Như người kia không có gương soi, gặp lúc không có ánh sáng, lại muốn soi mình, có thể tự thấy được mình chẳng?”

Vua đáp: “Không thể tự thấy được.”

Na-tiên hỏi: “Như có gương soi, có ánh sáng, có người tự soi mình, có thể nhìn thấy mình chẳng?”

Vua đáp: “Tất nhiên, có thể tự nhìn thấy được.”

Na-tiên nói: “Như vậy đó. Cho nên trong thiên hạ không có vật gì tự nhiên sanh ra, hết thảy đều phải có nguyên nhân.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

## 8. BẢN NGÃ

Vua lại hỏi Na-tiên: “Người thế gian có thật có cái bản ngã hay chăng?”

Na-tiên đáp: “Thế gian không thể xác định rõ được có bản ngã hay không. Thật ra, theo đại vương thì cái gì là bản ngã?”

Vua hỏi: “Thân thể này với mạng sống có phải là bản ngã chăng?”

Na-tiên hỏi lại vua: “Thân thể con người với mạng sống có thể dùng mắt để nhìn

thấy hình sắc chẳng? Có thể dùng tai để nghe âm thanh chẳng? Có thể dùng mũi để ngửi mùi hương chẳng? Có thể dùng lưỡi để nếm vị chẳng? Có thể dùng thân để biết sự xúc chạm chẳng? Có thể dùng ý để nghĩ biết chẳng?”

Vua đáp: “Có thể.”

Na-tiên hỏi: “Hiện giờ bản tăng và đại vương cùng ở trong điện này, bốn phía đều có cửa sổ. Như người tùy ý muốn nhìn bên ngoài, theo những cửa sổ ấy mà nhìn ra có được không?”

Vua đáp: “Được.”

Na-tiên lại hỏi: “Như nói bản ngã ở trong thân thể này, tất phải tùy ý do nơi các cửa thông ra bên ngoài mà thấy biết, như có thể dùng mắt để nhìn thấy hình sắc. Vậy có thể dùng tai mà nhìn hình sắc được



chăng? Có thể dùng mũi mà nhìn hình sắc được chăng? Có thể dùng lưỡi mà nhìn hình sắc được chăng? Có thể dùng thân mà nhìn hình sắc được chăng? Có thể dùng ý mà nhìn hình sắc được chăng?”

Vua đáp: “Không thể được.”

Na-tiên lại nói: “Như nói bản ngã ở nơi tai, nên có thể dùng tai để nghe âm thanh. Vậy có dùng tai để thấy chăng? Có thể dùng tai để ngửi hương được chăng? Có thể dùng tai để ném vị chăng? Có thể dùng tai để xúc chạm chăng? Có thể dùng tai để suy nghĩ chăng?”

Vua đáp: “Không thể được.”

Na-tiên lại nói: “Như nói bản ngã ở nơi mũi, nên có thể dùng mũi để ngửi hương. Vậy có dùng mũi để nghe âm thanh chăng? Có thể dùng mũi để ném vị được

chăng? Có thể dùng mũi để xúc chạm  
chăng? Có thể dùng mũi để suy nghĩ  
chăng?”

Vua đáp: “Không thể được.”

Na-tiên lại nói: “Như nói bản ngã ở nơi  
lưỡi, nên có thể dùng lưỡi để biết vị. Vậy  
có dùng lưỡi để nghe âm thanh được  
chăng? Có thể dùng lưỡi để ngửi hương  
được chăng? Có thể dùng lưỡi để xúc  
chạm chăng? Có thể dùng lưỡi để suy  
nghĩ chăng?”

Vua đáp: “Không thể được.”

Na-tiên lại nói: “Như nói bản ngã ở nơi  
thân, nên có thể dùng thân để biết xúc  
chạm mềm mại hoặc thô nhám. Vậy có  
dùng thân để thấy chăng? Có thể dùng  
thân để nghe âm thanh chăng? Có thể  
dùng thân để ngửi hương được chăng? Có

thể dùng thân để ném vị chăng? Có thể dùng thân để suy nghĩ chăng?”

Vua đáp: “Không thể được.”

Na-tiên lại nói: “Như nói bản ngã ở nơi ý, nên có thể dùng ý để suy nghĩ. Vậy có thể dùng ý để nghe âm thanh chăng? Có thể dùng ý để ngửi hương được chăng? Có thể dùng ý để ném vị được chăng? Có thể dùng ý để xúc chạm chăng?”

Vua đáp: “Đều không thể được.”

Na-tiên nói: “Lời của đại vương như vậy trước sau không hợp nhau vậy.

“Như bản tạng cùng với đại vương ngồi trong điện này, nay phá bỏ hết bốn cửa sổ đi, tầm nhìn có xa rộng hơn không?”

Vua đáp: “Tất nhiên là phải xa rộng hơn.”

Na-tiên nói: “Như nói cái bản ngã ở tại trong thân, nay hủy con mắt đi, tầm nhìn có thể xa rộng hơn chăng? Hủy lỗ tai đi, có thể nghe xa hơn chăng? Hủy lỗ mũi đi, có thể ngửi được xa hơn chăng? Hủy cái lưỡi đi, có thể nếm được nhiều vị hơn chăng? Lột hết da đi, cảm giác xúc chạm của thân có thể nhiều hơn chăng? Hủy tâm ý đi, có thể nhờ đó suy nghĩ rộng hơn chăng?”

Vua đáp: “Bạch đại đức, đều là không thể được.”

Na-tiên nói: “Như vậy đó, lời nói của đại vương trước sau không hợp nhất rồi.”

Na-tiên lại hỏi vua: “Này đại vương, như có người giữ kho đến đứng châu trước mặt đại vương, đại vương có biết là người ấy đang đứng châu trước mặt không?”

Vua đáp: “Biết.”

Na-tiên lại hỏi: “Người ấy lại đi vào phòng của đại vương, vậy có biết là người ấy vào phòng chăng?”

Vua đáp: “Biết.”

Na-tiên nói: “Như bảo rằng cái bản ngã vốn ở trong thân thể, vậy người ta để các món ăn vào lưỡi, có thể biết các vị nhạt, mặn, ngọt, chua, cay, đắng... hay chăng?”

Vua nói: “Đúng vậy, có thể biết.”

Na-tiên nói: “Như vậy đó, lời nói của đại vương trước sau không hợp nhất rồi.

“Như có người lấy rượu ngon đổ vào trong bồn lớn, lại thả một người vào trong bồn ấy, nhưng rượu không lên tới miệng. Người ấy có biết rượu ngon chăng?”

Vua đáp: “Không thể biết.”

Na-tiên hỏi: “Vì sao không biết?”

Vua đáp: “Vì rượu không vào trong miệng, chẳng chạm đến lưỡi nên không thể biết rượu ngon dở.”

Na-tiên nói: “Như vậy đó, lời nói của đại vương trước sau không hợp nhất rồi.”

Vua nói: “Trẫm quả thật ngu si trí cạn, không luận giải nổi việc này. Kính mong đại đức giảng rõ cho.”

Na-tiên nói: “Người ta do nơi mắt mà thấy hình sắc, tâm liền cảm thọ. Cảm thọ tức sanh các điều khổ vui, trong tâm liền duyên theo. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều như thế, khi tiếp xúc với ngoại trần đều khiến tâm sanh cảm thọ. Cảm thọ tức sanh các điều khổ vui, nhân đó ý sanh niệm tưởng. Niệm tưởng như thế tiếp nối nhau mà sanh ra, tạo thành dòng luân

chuyên mãi mãi. Thật không hề có một cái bản ngã thường làm chủ như đại vương ngã.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

## 9. CĂN VÀ THỨC

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như khi người ta sanh ra, có phải con mắt với tâm cùng lúc sanh ra chăng?”

Na-tiên đáp: “Đúng vậy, chúng đồng thời sanh ra.”

Vua lại hỏi: “Con mắt sanh ra ở phía trước? Hay tâm sanh ra ở phía trước?”

Na-tiên đáp: “Con mắt sanh ở phía trước, tâm sanh ở phía sau.”

Vua hỏi: “Vậy con mắt có nói với tâm rằng: Theo chỗ tôi sanh ra, anh hãy tùy đó

mà sanh phía sau. Hoặc là tâm có nói với con mắt như vậy chăng?

“Hoặc tâm có nói với con mắt rằng: Theo chỗ anh sanh ra, tôi sẽ tùy đó mà sanh phía sau. Hoặc là con mắt có nói với tâm như vậy chăng?”

Na-tiên đáp: “Hai bên chẳng hề trao đổi với nhau như thế.”

Vua hỏi: “Chẳng phải đại đức đã nói là chúng đồng thời sanh ra đó sao? Vậy vì sao lại không có trao đổi trước như thế với nhau?”

Na-tiên đáp: “Có bốn trường hợp cùng làm theo nhau mà không cần trao đổi, giao hẹn trước. Những gì là bốn? Một là thuận theo chiều đi xuống, hai là thuận theo một cửa duy nhất, ba là thuận theo dấu vết đã có trước, bốn là thuận theo



kinh nghiệm đã trải qua nhiều lần. Bốn trường hợp như vậy thì có thể cùng làm đúng theo nhau mà không cần phải giao hẹn trước.”

Vua hỏi: “Thế nào là thuận theo chiều đi xuống?”

Na-tiên hỏi vua: “Như trời mưa trên núi cao, nước chảy thế nào?”

Vua đáp: “Nước sẽ chảy theo chiều từ trên cao xuống thấp.”

Na-tiên lại hỏi: “Như có mưa lần sau nữa, nước chảy thế nào?”

Vua đáp: “Vì theo chiều từ cao xuống thấp, nên cũng theo đúng những đường chảy trước kia.”

Na-tiên hỏi vua: “Vậy nước chảy trước có nói với nước chảy sau rằng: Anh nên theo

đường tôi đã chảy. Hoặc nước chảy sau có nói với nước chảy trước rằng: Tôi sẽ chảy theo đường anh đã chảy. Hai bên có trao đổi, giao hẹn trước với nhau như thế chăng?”

Vua đáp: “Nước chảy trước, chảy sau đều tự nhiên mà chảy, không có trao đổi với nhau như thế.”

Na-tiên nói: “Con mắt cũng vậy, chẳng hề nói trước với tâm rằng: ‘Anh nên tùy chỗ tôi sanh mà sanh ở phía sau.’ Tâm cũng không nói với con mắt rằng: ‘Tôi sẽ tùy chỗ anh sanh ra mà sanh ở phía sau. Mắt và tâm không giao hẹn trước với nhau, tự nhiên mà sanh ở nơi thích hợp, gọi là thuận theo chiều đi xuống. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều giống như vậy.”

Vua lại hỏi: “Còn thế nào gọi là thuận theo một cửa duy nhất?”

Na-tiên hỏi vua: “Như trong thành lớn chỉ có một cửa ra. Trong thành có một người muốn ra, sẽ đi theo hướng nào?”

Vua đáp: “Tất nhiên hướng về phía cửa ấy mà ra.”

Na-tiên hỏi: “Sau lại cũng có người muốn ra nữa, sẽ đi theo hướng nào?”

Vua đáp: “Tất nhiên lại theo đường ra cửa như người trước.”

Na-tiên hỏi vua: “Người ra trước có nói với người ra sau: ‘Anh nên theo đường tôi đã ra mà đi.’ Hoặc người ra sau có nói với người ra trước: ‘Tôi sẽ theo đường anh đã ra mà đi.’ Hai người có trao đổi, giao hẹn trước với nhau như vậy chăng?”

Vua đáp: “Người trước, người sau, thật không có trao đổi, giao hẹn với nhau gì cả.”

Na-tiên nói: “Con mắt cũng vậy, chẳng hề nói trước với tâm rằng: ‘Anh nên tùy chỗ tôi sanh mà sanh ở phía sau.’ Tâm cũng không nói với con mắt rằng: ‘Tôi sẽ tùy chỗ anh sanh ra mà sanh ở phía sau.’ Mắt và tâm không giao hẹn trước với nhau, tự nhiên mà sanh ở nơi thích hợp, gọi là thuận theo một cửa duy nhất. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều giống như vậy.”

Vua lại hỏi: “Còn thế nào là thuận theo dấu vết đã có trước?”

Na-tiên hỏi vua: “Như xe đi trước để lại dấu vết, xe đi sau sẽ đi thế nào?”

Vua đáp: “Theo vết xe trước mà đi.”

Na-tiên hỏi: “Vậy xe trước có nói với xe sau rằng: ‘Anh nên theo đường tôi đã đi trước.’ Hoặc xe sau có nói với xe trước: ‘Tôi sẽ theo đường anh đã đi.’ Hai bên có trao đổi, giao hẹn trước với nhau như vậy chăng?”

Vua đáp: “Đều không có nói với nhau như thế.”

Na-tiên nói: “Con người cũng như vậy. Con mắt chẳng hề nói trước với tâm rằng: ‘Anh nên tùy chỗ tôi sanh mà sanh ở phía sau.’ Tâm cũng không nói với con mắt rằng: ‘Tôi sẽ tùy chỗ anh sanh ra mà sanh ở phía sau.’ Mắt và tâm không giao hẹn trước với nhau, tự nhiên mà sanh ở nơi thích hợp, gọi là thuận theo một cửa duy nhất. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều giống như vậy.”

Vua lại hỏi Na-tiên: “Còn thế nào là thuận theo kinh nghiệm đã trải qua nhiều lần?”

Na-tiên đáp: “Kinh nghiệm đã trải qua, đó là sự bắt chước theo việc đã làm trước đây. Như học hỏi, viết lách đều là nhờ kinh nghiệm đã qua.

“Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy, là do huân tập dần dần từ lâu đời nên nay mới như vậy.

“Sáu thức đều góp phần vào sự nhận biết của con người, không phải do nơi một trong sáu thức ấy mà thành nhận biết được.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

## **10. XÚC NHẬP**

Vua lại hỏi: “Khi người ta sanh, con mắt với sự vui khổ có đồng thời sanh ra chăng?”

Na-tiên đáp: “Con mắt với sự vui khổ cùng sanh ra. Các căn đều là theo nơi chỗ hiệp lại mà sanh.”

Vua hỏi: “Thế nào là chỗ hiệp lại?”

Na-tiên đáp: “Hai bên cùng xúc chạm nhau gọi là hiệp, ví như hai con dê húc lẫn nhau. Một con dụ cho mắt, một con dụ cho hình sắc, hai bên hiệp nhau mà thành chỗ nhập. Cũng ví như một bàn tay là mắt, bàn tay kia là hình sắc, hai bàn tay hiệp lại thành chỗ nhập.

“Lại ví như hai viên đá, một là mắt, một là hình sắc, hai viên đá hiệp lại thành chỗ nhập.

“Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều là căn, theo nơi các trần là hình sắc, âm thanh, hương thơm, mùi vị, xúc chạm, pháp trần mà hiệp lại thành sáu chỗ nhập. Cho đến như ý và tư tưởng cũng vậy. Ví như hai viên đá, một viên là ý, một viên là tư tưởng, hai viên hiệp lại thành chỗ nhập. Ý và tư tưởng hiệp lại như vậy mà thành chỗ nhập.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

## 11. LẠC THỌ

Vua lại hỏi: “Còn như về sự vui thì hiểu thế nào?”

Na-tiên đáp: “Tự mình nhận biết, hiểu rõ, đó là vui. Ví như có người phụng sự nhà vua. Người ấy hiền đức, vua liền khen thưởng các món tài vật. Người ấy được



thưởng rồi, dùng các món ấy tự lấy làm khoái chí, vui vẻ. Trong khi vui vẻ như vậy, người ấy tự nghĩ: ‘Ta phụng sự nhà vua, được ban thưởng nên nay mới vui vẻ như thế này.’

“Hoặc như người tâm nghĩ điều lành, thân làm điều lành, miệng nói lời lành. Nhờ vậy sau khi chết được sanh lên cõi trời. Người ấy sanh nơi cõi trời được hưởng đủ các điều khoái lạc, trong lòng hết sức khoan khoái vui vẻ, tự nghĩ rằng: ‘Ta lúc còn ở chốn thế gian, tâm nghĩ điều lành, thân làm điều lành, miệng nói lời lành. Nhờ vậy nay được sanh nơi đây, được sự vui vẻ cực kỳ vậy.’ Như vậy gọi là nhận biết.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

## 12. HIỂU RÕ VÀ NHẬN BIẾT

Vua lại hỏi: “Thế nào gọi là người nhận biết?”

Na-tiên đáp: “Do hiểu rõ mà có thể nhận biết. Ví như đại vương có người giữ kho, vào trong kho chứa liền tự xem xét khắp các nơi trong ấy, rồi hiểu rõ có bao nhiêu các món tiền bạc, vàng ngọc, châu báu, vải vóc... cho đến màu sắc thế nào, nằm ở những vị trí nào. Như vậy gọi là hiểu rõ, nhận biết.”

Vua nói: “Hay thay!”

## 13. TƯ TƯỞNG

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, còn như chỗ suy nghĩ của người ta thì thế nào?”

Na-tiên đáp: “Chỗ suy nghĩ của người ta, đó là chỗ dẫn đến việc làm.

“Ví như người pha thuốc độc để uống, lại còn khiến cho người khác uống theo. Thân đã chịu khổ, còn gây khổ cho người khác nữa.

“Cũng giống như kẻ làm ác, sau khi chết phải đọa vào địa ngục. Những người học theo tư tưởng của kẻ ấy, cũng đều phải đọa địa ngục. Người độc ác có chỗ suy nghĩ ác, dẫn đến việc làm ác là như vậy.”

Vua nói: “Hay thay!”

## **14. SỰ RUNG ĐỘNG TRONG LÒNG**

Vua lại hỏi: “Còn thế nào là sự rung động trong lòng?”

Na-tiên đáp: “Trong tâm khởi ý nghĩ liền có sự rung động trong lòng.”

Vua hỏi: “Rung động trong lòng và hành động quan hệ thế nào?”

Na-tiên đáp: “Ví như cái nồi đồng, có người đến đốt lửa nấu, nước sôi sủi bọt kêu thành tiếng. Khi ngưng nấu rồi mà tiếng kêu vẫn còn một lúc nữa. Chỗ hành động là như vậy, do sự rung động trong lòng trước đó mà có.

“Khi đốt lửa nấu sôi, ấy là lúc rung động. Khi không nấu mà còn tiếng kêu một lúc sau, ấy là lúc hành động.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

## **15. PHÂN BIỆT**

Vua hỏi Na-tiên: “Có thể nào phân biệt được những gì đã hợp lại trong tâm thức hay chẳng? Chẳng hạn như chỉ rõ ra được đâu là chỗ nhập? Đâu là chỗ hiểu biết? Đâu là chỗ suy nghĩ? Đâu là ý? Đâu là sự rung động?”

Na-tiên đáp: “Nếu như đã hợp lại, không thể phân biệt ra được nữa.

“Ví như người đầu bếp nấu món ăn ngon, trong ấy có nước, có thịt, có gia vị hành, tỏi, gừng, dưa muối, bột gạo... Đại vương bảo người đầu bếp ấy rằng: Người nấu món ăn này như thế nào, hãy mang từng món đến đây cho trẫm, trước hãy mang nước đến..., sau nữa là hành, sau nữa là gừng, sau nữa là dưa muối, sau nữa là bột gạo...”

“Món ăn đã nấu rồi, người ấy có thể mang riêng từng vị trong ấy đến cho đại vương như vậy được chăng?”

Vua đáp: “Món ăn đã nấu thành rồi, không thể phân biệt các vị trong ấy ra được nữa.”

Na-tiên nói: “Những việc ta đang bàn đây cũng lại như vậy. Một khi đã hợp lại thì không còn có thể phân biệt ra được nữa. Không thể chỉ ra đây là sự khổ vui, đây là sự hiểu biết, đây là sự rung động, đây là sự suy nghĩ...”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

Vua lại hỏi Na-tiên: “Người ta lấy mắt nhìn có thể phân biệt được vị mặn của muối chăng?”

Na-tiên hỏi lại: “Chỗ biết của đại vương có như vậy chăng? Có thể lấy mắt nhìn được vị mặn của muối chăng?”

Vua đáp: “Mắt không nhìn được vị mặn.”

Na-tiên nói: “Người ta chỉ có thể dùng lưỡi mà biết vị mặn của muối, không thể dùng mắt mà biết được.”

Vua lại hỏi: “Có phải mọi người đều dùng lưỡi để biết các mùi vị chăng?”

Na-tiên đáp: “Đúng vậy, mọi người ai cũng dùng lưỡi để phân biệt mùi vị.”

Vua lại hỏi: “Như xe chở muối, trâu kéo muối, xe với trâu có phân biệt được vị của muối chăng?”

Na-tiên đáp: “Xe với trâu không thể phân biệt biết được vị của muối.”

Vua hỏi: “Nhu vị mặn của muối có thể cân lường được chăng?”

Na-tiên đáp: “Chỉ lấy trí hiểu biết của đại vương mới có thể ước lượng được vị mặn của muối. Vị mặn của muối không thể cân lường được. Chỉ sự nặng nhẹ mới có thể cân lường được thôi.”

Vua nói: “Hay thay!”

## 16. CĂN VÀ TRẦN

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, trong thân người có năm sự nhận biết, do nơi nhiều việc mà biết, hay chỉ do nơi một việc mà biết?”

Na-tiên đáp: “Do nhiều việc mà biết, không phải chỉ do một việc mà biết. Ví như trên một chỗ đất, các loại ngũ cốc



mọc lên, mỗi thứ đều tùy theo giống loại của mình.

“Năm sự rung động khác nhau trong thân người đều do nơi nhiều việc, tùy theo công năng của mình mà sanh ra sự nhận biết.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

## II. SANH TỬ VÀ NIẾT BÀN

### 1. NGHIỆP QUẢ SAI BIỆT

Vua lại hỏi Na-tiên: “Bạch đại đức, người thế gian sanh ra vốn dĩ thân thể đều đầy đủ như nhau, tại sao lại có người được sống lâu, có người chết yếu; có người lắm bệnh khổ, có người được ít bệnh; có người giàu sang, có người nghèo hèn; có bậc đại sĩ, có kẻ tiểu nhân; có người hình

dung xinh đẹp, có kẻ xấu xí khó coi; có người nói ra được người khác tin cậy, có người luôn bị nghi ngờ; có người sáng suốt hiểu thuận, có người ngu si thiển trí... Vì sao có những sự bất đồng như vậy?”

Na-tiên nói: “Cũng giống như các loại cây trái, trong đó có loại chua, lại có loại đắng, có loại cay, cũng có loại ngọt. Nay đại vương, các loại cây sao lại sanh ra trái chẳng giống như nhau?”

Vua đáp: “Cây trái sở dĩ không giống nhau, là vì giống loại của chúng khác nhau.”

Na-tiên nói: “Người ta cũng vậy. Chỗ sở niệm trong tâm đều không giống nhau, vì thế mà người thế gian chẳng thể đồng như nhau. Có người được sống lâu, có người chết yếu; có người lắm bệnh khổ, có

người được ít bệnh; có người giàu sang, có người nghèo hèn; có bậc đại sĩ, có kẻ tiểu nhân; có người hình dung xinh đẹp, có kẻ xấu xí khó coi; có người nói ra được người khác tin cậy, có người luôn bị nghi ngờ; có người sáng suốt hiểu thuận, có người ngu si thiên trí...

“Vì thế, Phật có dạy rằng: ‘Tùy nơi việc làm thiện hoặc ác mà người ta phải tự nhận lãnh lấy nghiệp quả.’ Có người giàu sang phú quý, có người nghèo khổ bần cùng... thấy đều do nơi những điều thiện ác đã làm từ đời trước. Cho nên mỗi người đều tùy nơi phước đức của mình mà nhận lãnh.”

Vua tán thán: “Lành thay! Lành thay!”

## **2. NÊN SỚM LÀM VIỆC THIỆN**

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như người muốn làm việc thiện, nên làm trước hay đợi về sau sẽ làm?”

Na-tiên đáp: “Nên sớm làm điều lành từ trước. Đợi về sau mới làm không thể được phần lợi ích. Nếu sớm làm từ trước mới được lợi ích lớn.

“Như đại vương đến lúc khát nước, sai người đào giếng, có thể giúp giải cơn khát ấy chăng?”

Vua đáp: “Không thể khỏi khát. Cần phải đào giếng từ trước mới được.”

Na-tiên nói: “Người ta làm thiện cũng vậy. Nên làm từ trước. Đợi sau muộn màng mới làm là vô ích.

“Nhu đại vương đến lúc đói, sai người cày ruộng gieo giống, có kịp cơm ăn chẳng? Hay phải có gạo trữ từ trước?”

Vua đáp: “Tất phải có gạo trữ từ trước.”

Na-tiên nói: “Người ta làm thiện cũng vậy. Phải nên làm từ trước. Đợi khi thúc bách mới làm, chẳng có ích gì cho thân mình.

“Nhu đại vương có thù oán, khi cần chiến đấu mới sai người luyện tập quân mã, có nên vậy chẳng?”

Vua đáp: “Không được. Cần phải rèn luyện trước, lúc cần là sẵn sàng chiến đấu. Như đợi lúc cần mới luyện quân mã, chỉ là vô ích thôi.”

Na-tiên nói: “Kinh Phật dạy rằng: Người ta nên nhớ nghĩ làm việc thiện từ trước, chờ đến sau này mới làm vô ích.

“Đại vương chớ nên bỏ đạo lớn mà học theo tà đạo, đừng bắt chước kẻ ngu si mà bỏ thiện làm ác, sau này có than khóc cũng chỉ là vô ích. Người nào bỏ nẻo chánh mà theo điều bất chánh, đến khi sắp chết dù hối hận cũng không còn kịp nữa.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

### 3. ĐỊA NGỤC

Vua hỏi Na-tiên: “Trẫm nghe các vị sa-môn dạy rằng: Lửa ở chốn địa ngục không giống như lửa ở thế gian này. Như lấy một viên đá nhỏ mà đốt trong lửa từ sáng đến tối ở thế gian này, cũng chẳng hề tiêu mất. Nhưng lấy một hòn đá lớn mà thả

vào lửa địa ngục liền tức thì tiêu mất. Nói như vậy, trăm không tin được.

“Các vị sa-môn lại dạy rằng: Người làm việc ác, đọa vào chốn địa ngục, trải qua cả ngàn vạn năm thọ khổ cũng không tiêu mất, cũng không chết đi. Như vậy trăm càng không thể tin được!”

Na-tiên hỏi vua: “Này đại vương, dưới nước có các loài rắn biển, rồng, rùa, cua..., khi con cái có thai thường ăn cả cát, sỏi vào bụng. Đại vương có từng nghe nói đến việc ấy chăng?”

Vua đáp: “Trăm có nghe nói, các loài ấy lấy những thứ đó làm thức ăn.”

Na-tiên hỏi: “Vậy những thứ cát, sỏi ấy vào trong bụng chúng có tiêu được không?”

Vua đáp: “Tất nhiên là chúng đều được tiêu hóa hết.”

Na-tiên hỏi: “Còn cái thai trong bụng chúng có tiêu mất chẳng?”

Vua đáp: “Không, không thể tiêu được.”

Na-tiên hỏi: “Vì sao không tiêu được?”

Vua đáp: “Vì là tương đồng, cùng loại của chúng nên tất nhiên là không thể tiêu mất được.”

Na-tiên nói: “Người đọa vào địa ngục cũng giống như vậy. Trải qua ngàn vạn năm vẫn không tiêu, không chết. Do những việc tội lỗi mà người ấy đã tạo ra chưa được giải trừ hết, nên không thể tiêu mất, không thể chết đi.

“Này đại vương, như những loài sư tử, cọp, chó, mèo, khi con cái có thai đều ăn



xương thịt của các con mồi. Vậy xương thịt ấy vào bụng chúng có tiêu đi không?”

Vua đáp: “Đều tiêu hóa hết.”

Na-tiên hỏi: “Còn cái thai trong bụng chúng có tiêu mất chăng?”

Vua đáp: “Không, không thể tiêu được.”

Na-tiên hỏi: “Vì sao không tiêu được?”

Vua đáp: “Vì là tương đồng, cùng loại của chúng nên tất nhiên là không thể tiêu mất được.”

Na-tiên nói: “Người đọa vào địa ngục cũng giống như vậy. Trải qua ngàn vạn năm vẫn không tiêu, không chết. Do những việc ác mà người ấy đã tạo ra chưa được giải trừ hết, nên không thể tiêu mất, không thể chết đi.

“Này đại vương, như những loài trâu, ngựa, lừa, nai, khi con cái có thai đều ăn các loại cỏ khô. Vậy cỏ khô ấy vào bụng chúng có tiêu đi không?”

Vua đáp: “Đều tiêu hóa hết.”

Na-tiên hỏi: “Còn cái thai trong bụng chúng có tiêu mất chăng?”

Vua đáp: “Không, không thể tiêu được.”

Na-tiên hỏi: “Vì sao không tiêu được?”

Vua đáp: “Vì là tương đồng, cùng loại của chúng nên tất nhiên là không thể tiêu mất được.”

Na-tiên nói: “Người đọa vào địa ngục cũng giống như vậy. Do tội lỗi đã làm chưa được giải trừ hết, nên không thể tiêu mất, không thể chết đi.”

“Này đại vương, như những hàng phụ nữ giàu có trong xã hội, mỗi khi có thai thường tùy ý ăn rất nhiều món ngon. Vậy những món ngon ấy vào bụng họ có tiêu đi không?”

Vua đáp: “Đều tiêu hóa hết.”

Na-tiên hỏi: “Còn cái thai trong bụng họ có tiêu mất chăng?”

Vua đáp: “Không, không thể tiêu được.”

Na-tiên hỏi: “Vì sao không tiêu được?”

Vua đáp: “Vì là tương đồng, cùng loại nên tất nhiên là không thể tiêu mất được.”

Na-tiên nói: “Người đọa vào địa ngục cũng giống như vậy. Sở dĩ trải qua ngàn năm vẫn không tiêu, không chết, là do những việc ác đời trước tạo ra chưa được

giải trừ hết, nên không thể tiêu mất, không thể chết đi.

“Họ sanh ra trong địa ngục, lớn lên trong địa ngục, cho đến già đi là lúc tội lỗi trừ hết thì sẽ chết.”

Vua tán thán: “Hay thay! Hay thay!”

#### 4. NIẾT-BÀN

Vua hỏi: “Bạch đại đức, có phải người ta nhập Niết-bàn rồi thì những gì trong quá khứ không bao giờ còn sanh khởi trở lại nữa chăng?”

Na-tiên đáp: “Đúng vậy! Nhập Niết-bàn rồi không còn sanh khởi lại các pháp.

“Kẻ ngu si tham cầu những sự ái luyến trong thân, ngoài thân, nên mãi mãi không thể được thoát ra khỏi già, bệnh, chết.

“Người có trí tu học theo đạo, dù trong thân, ngoài thân đều không tham đắm. Người như vậy không có ân tình ái luyến. Không có ân tình ái luyến, nên không có tham dục. Không có tham dục thì không sanh vào bào thai. Không phải sanh vào bào thai nên không có sanh, già, bệnh, chết. Như vậy không có sầu não đau khổ. Trong lòng không có khổ não, liền đắc nhập Niết-bàn.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

## 5. AI NHẬP NIẾT-BÀN

Vua lại hỏi: “Hết thấy những người học đạo, có thể sẽ được nhập Niết-bàn cả hay không?”

Na-tiên đáp: “Không. Không phải tất cả đều được nhập Niết-bàn. Chỉ những người

chân chánh hướng theo đường lành, học hỏi những điều chân chánh, làm được những điều nên làm, tránh xa được những điều không nên làm, nhớ nghĩ những điều nên nhớ nghĩ, từ bỏ hết trong tâm những điều không nên nhớ nghĩ, mới có thể đắc nhập Niết-bàn.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

## **6. VÌ SAO BIẾT NIẾT-BÀN LÀ VUI?**

Vua lại hỏi: “Như người chưa nhập Niết-bàn, có thể biết được Niết-bàn là khoái lạc hay chẳng?”

Na-tiên đáp: “Tất nhiên, tuy chưa được đắc nhập Niết-bàn, có thể biết được Niết-bàn là khoái lạc.”

Vua hỏi: “Chưa nhập Niết-bàn, vậy làm sao biết được Niết-bàn là khoái lạc?”

Na-tiên hỏi vua: “Người ta chưa từng bị chặt tay chân, có thể biết rằng khi bị chặt tay chân là đau đớn lắm chăng?”

Vua đáp: “Tuy chưa từng bị chặt tay chân, có thể biết bị chặt tay chân là đau đớn lắm.”

Na-tiên hỏi: “Vì sao mà biết?”

Vua đáp: “Vì đã từng thấy những kẻ bị chặt tay chân kêu khóc đau đớn, nên biết như vậy.”

Na-tiên nói: “Cũng như vậy đó. Những người đã đắc nhập Niết-bàn truyền lại cho biết rằng nhập Niết-bàn là khoái lạc. Vì thế nên tin theo mà biết.”

Vua nói: “Hay thay!”

## 7. VÌ SAO BIẾT CÓ PHẬT?

Vua hỏi: “Bạch đại đức, ngài đã từng được thấy Phật hay chưa?”

Na-tiên đáp: “Chưa từng thấy.”

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như các vị thầy trước ngài, đã từng thấy Phật hay chưa?”

Na-tiên đáp: “Các vị ấy cũng chưa từng thấy Phật.”

Vua nói: “Như đại đức và các vị thầy trước đây đều chưa từng thấy Phật, vậy trăm nghĩ chắc chắn là không có Phật.”

Na-tiên hỏi vua: “Đại vương đã từng được thấy chỗ hội tụ của 500 dòng nước chẳng?”



Vua đáp: “Trẫm chưa từng được thấy.”

Na-tiên lại hỏi: “Vậy như phụ vương của ngài, cho đến tổ phụ, đã từng được thấy chưa?”

Vua đáp: “Đều chưa từng được thấy.”

Na-tiên nói: “Như đại vương, phụ vương và tổ phụ của ngài đều chưa từng được thấy chỗ hội tụ của 500 dòng nước ấy, vậy trong thiên hạ chắc chắn là không có chỗ hội tụ của 500 dòng nước ấy chăng?”

Vua nói: “Không phải vậy. Tuy rằng trẫm và phụ vương, tổ phụ đều chưa từng nhìn thấy, nhưng thật có những dòng nước ấy.”

Na-tiên nói: “Cũng vậy đó. Tuy bần tăng đây và các vị tôn sư đều chưa từng thấy Phật, nhưng quả thật là có Phật và giáo pháp của ngài truyền lại ở cõi thế này.”

Vua nói: “Hay thay! Hay thay!”

## **8. NGƯỜI ĐẮC ĐẠO CÓ KHỔ HAY KHÔNG?**

Vua lại hỏi: “Như người đã đắc đạo, đời sau không còn phải sanh ra nữa. Người như vậy có còn chịu khổ hay chăng?”

Na-tiên đáp: “Cũng có khổ, cũng không khổ.”

Vua hỏi: “Sao gọi là cũng có khổ, cũng không khổ?”

Na-tiên đáp: “Thân còn chịu khổ, tâm không còn chịu khổ.”

Vua hỏi: “Như vậy nghĩa là thế nào?”

Na-tiên đáp: “Thân sở dĩ có khổ, là vì thân này còn đang tồn tại cho nên phải có khổ. Tâm đã trừ bỏ các điều ác, dứt sạch

tham dục nên không còn phải khổ.”

## 9. ĐẮC ĐẠO VÀ NHẬP NIẾT BÀN

Vua hỏi: “Giả sử như người đắc đạo mà vẫn không dứt được nỗi khổ của thân, vậy là chưa được Niết-bàn chăng?”

Na-tiên đáp: “Người đã đắc đạo không còn ân tình ái luyến, thân tuy khổ nhưng tâm ý an vui. Như vậy còn mong cầu được đạo gì nữa?”

Vua nói: “Nếu như người đã đắc đạo rồi, vậy còn lưu lại cõi thế làm chi?”

Na-tiên đáp: “Ví như quả cây chưa chín, không thể ép được. Như khi đã chín, tất không cần phải chờ đợi nữa. Bàn tăng nay chẳng cầu sống, cũng chẳng cầu chết, chỉ đợi thời điểm đến thì ra đi thôi.”

## QUYỀN HẠ

### I. VIỆC LÀM VÀ NHÂN QUẢ

#### 1. KHÔNG AI HƠN PHẬT

Vua hỏi Na-tiên: “Có thật là không ai hơn được đức Phật chăng?”

Na-tiên đáp: “Đúng vậy, không ai hơn được đức Phật.”

Vua lại hỏi: “Làm sao biết là không có ai hơn được đức Phật?”

Na-tiên liền hỏi vua: “Này đại vương, như người chưa từng đi biển, có thể biết là biển rộng lớn. Vì có năm dòng sông lớn, mỗi dòng có 500 sông nhỏ chảy vào. Một là sông Hằng, hai là sông Tín-tha, ba là sông Tê-xoa, bốn là sông Tư-tha, năm là sông Thi-phi-di. Năm dòng sông ấy ngày

đêm liên tục chảy vào biển, mà nước biển vẫn không dâng thêm chút nào. Có thể nhờ vậy mà biết là biển rộng lớn lắm chăng?”

Vua đáp: “Quả thật có thể biết được.”

Na-tiên nói: “Cũng giống như vậy. Vì có những bậc đức đạo cùng nhau luận đàm, mà không ai hơn được Phật. Vì thế bản tăng tin là Phật cao trỗi hơn hết.”

Vua hỏi: “Làm sao biết được là không có ai luận đàm hơn được Phật?”

Na-tiên hỏi: “Đại vương có biết ai là người chế ra chữ viết chăng?”

Vua đáp: “Người chế ra chữ viết trước đây tên là Chát.”

Na-tiên hỏi: “Đại vương đã từng gặp người ấy chưa?”

Vua đáp: “Người đã chết từ lâu rồi, trăm chưa từng được gặp.”

Na-tiên hỏi: “Vua chưa từng được gặp ông ấy, sao biết ông là người chế ra chữ viết?”

Vua đáp: “Từ xưa đến nay truyền nói nhau mà bảo rằng ông Chết tạo ra chữ viết, nên trăm biết được như vậy.”

Na-tiên nói: “Cũng như vậy đó. Bàn tăng đã từng được thấy kinh điển, giới luật của Phật truyền lại, cũng như thấy Phật không khác. Kinh điển do Phật thuyết dạy rất sâu xa, vi diệu, mang lại sự an lạc. Những người đã được học biết kinh điển, giới luật của Phật nói tiếp nhau truyền dạy lại cho đời sau. Do đó mà bàn tăng biết là không ai hơn được Phật.”

## 2. LÀM THEO KINH PHẬT

Vua lại hỏi: “Nhu được gặp kinh điển của Phật, có thể học làm theo lâu dài chăng?”

Na-tiên đáp: “Những kinh điển, giới luật do Phật truyền dạy rất thâm sâu, thích đáng, có thể học làm theo suốt đời.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

## 3. SAU KHI CHẾT

Vua lại hỏi: “Người ta sau khi chết, thân này không tái sinh trở lại hay sao?”

Na-tiên đáp: “Người ta sau khi chết sẽ thọ sanh với một thân thể mới, còn thân này không sanh theo qua đời sống khác.

“Ví như bắc đèn, khi cháy hết lại thêm bắc khác vào, nên tiếp nối nhau, lửa cháy bằng bắc mới. Thân người cũng như vậy.

Khi thân cũ không tồn tại nữa, lại thọ nhận một thân thể mới.”

Na-tiên hỏi vua: “Khi đại vương còn nhỏ tuổi, có theo thầy học các loại kinh sách chẳng?”

Vua đáp: “Tất nhiên là có. Đến giờ trăm vẫn còn nhớ.”

Na-tiên hỏi vua: “Đại vương do nơi thầy mà học kinh sách, nhưng vị thầy ấy có tự biết được nguồn gốc của kinh sách chẳng, hay do nơi người xưa mà biết?”

Vua đáp: “Thật không tự biết. Do nối tiếp theo người xưa mà biết.”

Na-tiên nói: “Thân người cũng như vậy. Khi hoại thân cũ thì nối tiếp mà thọ thân mới.”



Vua tán thán: “Hay thay!”

#### 4. NHÂN QUẢ NÓI TIẾP

Vua lại hỏi: “Khi thọ thân mới như vậy, tự người ta có nhớ biết chăng?”

Na-tiên đáp: “Không biết.”

Na-tiên lại hỏi vua: “Ví như có người hái trộm quả xoài của người khác, người ấy có tội chăng?”

Vua đáp: “Có tội.”

Na-tiên hỏi: “Như khi mới trồng cây xoài con, thật không có quả xoài. Vậy sao nói người trộm xoài có tội?”

Vua nói: “Như không có trồng cây xoài con, làm sao ngày nay có quả xoài? Vì vậy nói người hái trộm xoài là có tội, không thể chối cãi.”

Na-tiên nói: “Người ta cũng như vậy. Đời này tạo tác các việc thiện ác, sanh qua đời sau phải thọ lãnh với thân mạng mới.”

Vua lại hỏi: “Người ta dùng thân này mà tạo tác các việc thiện ác, khi thọ thân mới rồi, thiện ác khi ấy ở đâu?”

Na-tiên đáp: “Những điều thiện ác đã làm sẽ theo người ta như bóng theo hình. Dù khi chết đi, chỉ hoại mất thân này chứ việc đã làm thật không hề mất. Ví như người ban đêm thắp đèn viết thư, sau tắt đèn rồi, lá thư vẫn còn đó. Khi thắp đèn lên lại liền nhìn thấy. Đời nay làm việc thiện ác, đời sau thọ lãnh cũng giống như vậy.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

## **5. DỰ TRI NHÂN QUẢ**

Vua lại hỏi Na-tiên: “Có thể phân biệt biết rõ các việc thiện ác đã làm sẽ kết quả ra sao ngày sau chăng?”

Na-tiên đáp: “Không thể biết được.”

Na-tiên hỏi vua: “Ví như cây trái chưa kết thành quả, có thể phân biệt chỉ rõ quả cây đang ở chỗ nào trong cây chăng?”

Vua đáp: “Không thể biết được.”

Na-tiên nói: “Cũng vậy đó. Người chưa đắc đạo thì không thể nào biết được những việc thiện ác sẽ kết quả chính xác ở đâu, lúc nào được.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

Vua lại hỏi: “Như người còn phải thọ sanh đời sau nữa, có thể tự biết điều ấy chăng?”

Na-tiên đáp: “Có thể tự biết.”

Vua hỏi: “Làm sao biết được?”

Na-tiên hỏi lại: “Ví như người làm ruộng cày bừa, gieo giống, mưa nắng thuận thời, có thể biết trước là sẽ có thu hoạch chăng?”

Vua đáp: “Tất nhiên là biết. Do đã đầy đủ các điều kiện, có thể đoán trước được sẽ có thu hoạch.”

Na-tiên nói: “Người ta cũng như vậy. Như phải thọ sanh đời sau nữa, có thể biết trước được.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

## II. PHẬT VÀ ĐỆ TỬ

### 1. PHẬT ĐANG Ở ĐÂU?

Vua lại hỏi: “Thật có Niết-bàn hay chăng?”

Na-tiên đáp: “Quả thật có.”

Vua hỏi: “Vậy có thể chỉ rõ Phật đang ở tại chỗ nào chẳng?”

Na-tiên đáp: “Không thể được. Không thể chỉ rõ Phật đang ở tại nơi nào, vì Phật đã nhập Niết-bàn từ lâu rồi.

“Ví như có người đốt lửa. Sau tắt lửa đi rồi, có thể chỉ được ánh sáng của lửa đang ở đâu chẳng?”

Vua nói: “Không thể chỉ được.”

Na-tiên nói: “Cũng vậy đó. Phật đã nhập Niết-bàn từ lâu, không thể biết được chỗ trụ xứ của ngài.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

## 2. TỰ YÊU MẾN THÂN THỂ

Vua lại hỏi: “Các vị sa-môn có tự yêu mến thân mình hay không?”

Na-tiên đáp: “Không, sa-môn không tự yêu mến thân mình.”

Vua hỏi: “Như nói rằng sa-môn không tự yêu mến thân mình, vì sao chỗ nằm phải lo cho êm ấm, miếng ăn phải chọn những thứ ngon bổ. Như vậy là nghĩa thế nào?”

Na-tiên hỏi vua: “Đại vương đã từng ra trận chiến đấu chưa?”

Vua đáp: “Có, trẫm đã từng ra trận chiến đấu.”

Na-tiên hỏi: “Khi ra trận, đại vương có từng bị gươm đao hoặc tên địch bắn trúng chằng?”

Vua đáp: “Có. Trẫm đã từng bị đao chém trúng.”

Na-tiên hỏi: “Khi bị thương, đại vương làm thế nào?”

Vua đáp: “Dùng thuốc đắp lên, lấy vải băng kỹ lại.”

Na-tiên hỏi: “Đại vương vì yêu mến vết thương ấy mà săn sóc kỹ như vậy chăng?”

Vua đáp: “Không phải. Trẫm không có yêu mến vết thương ấy.”

Na-tiên hỏi: “Đã không yêu mến, tại sao lại dùng thuốc đắp lên, dùng vải băng kỹ lại?”

Vua đáp: “Trẫm chỉ muốn cho mau bình phục, thật không phải yêu mến gì vết thương ấy.”

Na-tiên nói: “Các vị sa-môn cũng như vậy. Không yêu mến gì bản thân mình. Tuy thọ dụng việc ăn uống, nhưng tâm

không tham đắm vui theo vị ngon, không muốn ăn những món ngon lạ, nhưng cũng không để cho thân đói khát, vì chỉ muốn giữ lấy thân thể này để làm theo kinh điển, giới pháp của Phật mà thôi.

“Kinh Phật có dạy rằng: Thân thể người ta có chín lỗ thông ra bên ngoài, như chín cái ung nhọt, thấy đều là những chỗ bất tịnh.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay! Hay thay!”

### **3. PHẬT KHÔNG GIỐNG THẾ GIAN**

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, có thật là đức Phật đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân có sắc vàng ròng, hào quang chiếu sáng hay chăng?”



Na-tiên đáp: “Đúng vậy. Đức Phật đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân có sắc vàng ròng, hào quang chiếu sáng quanh thân.”

Vua hỏi: “Như cha mẹ của đức Phật có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân có sắc vàng ròng, hào quang chiếu sáng hay chăng?”

Na-tiên đáp: “Không, cha mẹ của đức Phật không có các tướng tốt như thế.”

Vua nói: “Như cha mẹ đã không có, vậy chắc là Phật cũng không thể có các tướng như thế. Như trong các loài, sanh ra đều tùy theo chủng loại của mình. Cha mẹ của Phật đã không có các tướng ấy, vậy chắc chắn là Phật cũng không thể có được.”

Na-tiên nói: “Cha mẹ của Phật tuy không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ

đẹp, thân có sắc vàng ròng, hào quang chiếu sáng, nhưng Phật quả thật có các tướng ấy.”

Na-tiên hỏi vua: “Đại vương đã từng thấy hoa sen chưa?”

Vua đáp: “Trẫm đã từng thấy.”

Na-tiên hỏi: “Như hoa sen ấy, sanh ra trong lòng đất, lớn lên trong bùn nước. Màu sắc và hương thơm đều tuyệt hảo, như vậy có giống cùng loại theo với đất bùn và nước hay chăng?”

Vua đáp: “Không giống.”

Na-tiên nói: “Tuy cha mẹ của đức Phật không có các tướng tốt, nhưng Phật quả thật có các tướng ấy. Phật sanh ra nơi thế gian, lớn lên nơi thế gian, nhưng không giống theo các việc của thế gian vậy.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

#### 4. NGỤY BIỆN

Vua lại hỏi: “Có thật là đức Phật giữ tịnh hạnh như Phạm thiên vương ở cõi trời thứ bảy hay chăng?”

Na-tiên đáp: “Đúng vậy, quả thật ngài giữ tịnh hạnh tinh khiết, không hề có tỳ vết.”

Vua nói: “Như nói rằng Phật giữ tịnh hạnh giống như Phạm thiên vương ở cõi trời thứ bảy, như vậy thì Phật là đệ tử của vị ấy rồi.”

Na-tiên hỏi vua: “Này đại vương, Phạm thiên vương ở cõi trời ấy có ý niệm hay không có ý niệm?”

Vua đáp: “Có ý niệm.”

Na-tiên nói: “Như vậy thì Phạm thiên vương và chư thiên cõi ấy hẳn đều là đệ tử của Phật rồi.”

Na-tiên lại hỏi vua: “Này đại vương, tiếng chim kêu giống tiếng gì?”

Vua đáp: “Giống tiếng nhạn.”

Na-tiên nói: “Đại vương vừa nói tiếng chim kêu giống nhạn, vậy tất cả các loài chim đều là đệ tử của nhạn cả chăng?”

“Nếu không phải vậy, thì Phật cũng như vậy đó, không thể nói là đệ tử của Phạm thiên vương được.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

## **5. AI LÀ THẦY CỦA PHẬT**

Vua hỏi Na-tiên: “Bạch đại đức, đức Phật tất cũng phải học biết kinh điển, giới luật, rồi mới có thể làm theo được?”

Na-tiên đáp: “Tất nhiên là vậy.”

Vua hỏi: “Như vậy, Phật do nơi vị thầy nào mà học biết kinh điển, giới luật?”

Na-tiên đáp: “Phật không có thầy. Khi đức Phật chứng đắc đạo quả, liền tự mình rõ biết tất cả kinh điển. Không giống như các đệ tử của Phật, đều phải học theo lời Phật dạy. Vì vậy, đệ tử Phật đã được học biết kinh điển, giới luật thì phải suốt đời vâng làm theo.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

### III. TU TẬP VÀ GIẢI THOÁT

#### 1. HAI GIỌT LỆ

Vua lại hỏi: “Khi cha mẹ chết đi, người ta buồn đau nhỏ lệ. Khi được nghe kinh Phật, người ta cũng cảm động mà nhỏ lệ. Hai trường hợp rơi lệ ấy có gì khác nhau không?”

Na-tiên đáp: “Khi cha mẹ chết, người ta đau buồn mà nhỏ lệ, đó là xuất phát từ cảm xúc ân tình, ái luyến, buồn khổ đau đớn của thế gian, ấy là giọt lệ ngu si vậy.

“Khi được nghe kinh Phật, người ta cảm động mà nhỏ lệ, đó là xuất phát từ lòng từ bi, ai mẫn, thương xót những nỗi khổ của thế gian, ấy là giọt lệ sanh ra phước đức lớn lắm vậy.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

## **2. NGƯỜI ĐƯỢC GIẢI THOÁT**

Vua lại hỏi: “Người đã được giải thoát, với người chưa được giải thoát, có gì khác biệt nhau?”

Na-tiên đáp: “Người chưa giải thoát trong tâm có tham dục. Người đã giải thoát rồi trong tâm không có tham dục, cho đến việc ăn uống cũng chỉ nhằm để nuôi thân mạng mà thôi.”

Vua nói: “Trẫm nhìn trong thế gian này, chỉ thấy người ta ai ai cũng muốn được sướng thân, muốn được ăn ngon, chẳng lúc nào thấy đủ.”

Na-tiên nói: “Người ta chưa được giải thoát, khi được ăn ngon đều lấy làm khoái trá, vui mừng. Người đã giải thoát rồi, tuy có ăn uống, chẳng lấy đó làm vui, chẳng lấy làm thích, chỉ là vì để nuôi sống thân mạng mà thôi.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

### 3. TRÍ NHỚ

Vua lại hỏi: “Những việc người ta đã từng làm, lâu xa về sau có thể nhớ lại chẳng?”

Na-tiên đáp: “Có. Nhất là khi người ta có chuyện buồn lo, thường nhớ lại những việc xa xưa.”

Vua hỏi: “Người ta dùng cái gì để nhớ lại như thế? Dùng ý chí mà nhớ chẳng? Dùng niệm tưởng mà nhớ chẳng?”

Na-tiên hỏi vua: “Đại vương đã từng học qua nhiều điều, về sau có nhớ biết hết chẳng?”

Vua đáp: “Tất nhiên. Nhưng trong những chỗ đã học qua, cũng có điều bỗng nhiên quên đi mất.”



Na-tiên hỏi: “Đại vương lúc trước không có quên? Vì sao sau lại quên?”

Vua nói: “Trẫm lúc ấy do có nhiều vọng niệm.”

Na-tiên nói: “Vậy không đúng với điều đại vương đã nghĩ.”

Vua lại hỏi Na-tiên: “Những việc người ta đã từng làm đều có thể nhớ lại như lúc mới làm chẳng? Ngày nay thấy những điều trước mắt, có phải đều dùng trí nhớ mà biết chẳng?”

Na-tiên đáp: “Những việc đã qua, đều nhờ trí nhớ mà biết. Những việc hiện nay, cũng nhờ trí nhớ mà biết.”

Vua nói: “Như vậy thì lẽ ra người ta chỉ có thể nhớ việc quá khứ, không thể nói là nhớ cả việc mới đây.”

Na-tiên đáp: “Giả như nói là mới, có việc đã làm mà không thể nhớ được thì có khác gì quá khứ.”

Vua nói: “VẬY như người học vẽ, học viết, học các môn kỹ xảo, có uổng công chãng?”

Na-tiên đáp: “Người học viết, học vẽ đều có ghi nhớ, do đó mới có thể dạy lại cho đệ tử sau này. Vậy nên biết là có trí nhớ.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

#### **4. PHÁT KHỞI TRÍ NHỚ**

Vua lại hỏi Na-tiên: “Bạch đại đức, người ta do nơi những việc gì mà gọi nên trí nhớ?”

Na-tiên đáp: “Người ta có mười sáu việc làm cho nhớ lại việc đã qua. Một là nhớ

được những điều đã làm từ rất lâu xa. Hai là thấy người mới học nên nhớ. Ba là nhớ đến những việc lớn quan trọng. Bốn là nhờ nghĩ điều lành nên nhớ. Năm là nhớ đến những điều khổ sở. Sáu là thường suy nghĩ đến nên nhớ. Bảy là những điều thường làm khác nhau đều nhớ biết. Tám là nhờ người khác nhắc nhở mà nhớ. Chín là nhớ những việc tương tự, gần giống. Mười là nhớ những điều mình đã từng hay quên. Mười một là nhớ những điều mình hiểu rõ. Mười hai là nhớ những điều mình đã tính toán, học làm theo. Mười ba là mắc nợ nần nên nhớ. Mười bốn là nhờ chuyên tâm không tán loạn cho nên nhớ. Mười lăm là nhớ những điều đọc thấy trong sách vở. Mười sáu là nơi mình đã từng sống, nay nhìn thấy lại nên nhớ.”

Vua hỏi: “Thế nào là nhớ lại những điều đã làm từ rất lâu xa?”

Na-tiên đáp: “Như ngài A-nan, đệ tử của Phật, và nữ cư sĩ Cưu-thù-đan-bãi, nhớ lại được những điều từ nhiều đời trước. Nhiều vị tu chứng khác nữa, cũng có khả năng nhớ lại được việc từ nhiều đời trước. Những người trong chúng tu học được như A-nan và vị nữ cư sĩ ấy nhiều lắm. Khi nhớ được điều này lại có thể nhân đó nhớ được điều khác nữa.”

Vua hỏi: “Thế nào là thấy người mới học nên nhớ?”

Na-tiên đáp: “Như người đã từng học hỏi, tính toán, làm được điều gì, sau quên mất. Nay nhìn thấy người khác học hỏi liền nhớ lại.”

Vua hỏi: “Thế nào là nhớ đến những việc lớn, quan trọng?”

Na-tiên đáp: “Ví dụ như vị thái tử được lập lên làm vua, cho đó là việc lớn quan trọng, vì giúp mình được trở nên cao quý. Nghĩ như vậy nên ghi nhớ.”

Vua hỏi: “Thế nào là nhờ nghĩ điều lành nên nhớ?”

Na-tiên đáp: “Ví dụ như người ta có ý tốt mời thỉnh người khác đến chiêu đãi, trong lòng tự nghĩ rằng: Ngày ấy, ta mời thỉnh người ấy với ý tốt muốn cung phụng, đãi ngộ. Do ý tốt ấy mà ghi nhớ.”

Vua hỏi: “Thế nào là nhớ đến những điều khổ sở?”

Na-tiên đáp: “Ví như người đã từng bị người khác giam hãm, tù đày khổ sở nên ghi nhớ.”

Vua hỏi: “Thế nào là thường nghĩ đến nên nhớ?”

Na-tiên đáp: “Ví dụ như những điều người ta thường trông thấy, như người, vật quen thuộc trong gia đình, thường nghĩ đến nên đều ghi nhớ.”

Vua hỏi: “Thế nào là những điều thường làm khác nhau đều nhớ biết?”

Na-tiên đáp: “Ví dụ như tên người, cảnh, vật khác biệt nhau, màu sắc, hương vị... mà người ta ghi nhớ.”

Vua hỏi: “Thế nào là nhờ người khác nhắc nhở mà nhớ?”

Na-tiên đáp: “Ví như người ta tính hay quên. Những người bên cạnh lại có kẻ nhớ, người quên. Người quên nhờ người nhớ nhắc cho nên nhớ lại.”

Vua hỏi: “Thế nào là nhớ những việc tương tự, gần giống?”

Na-tiên đáp: “Người ta cho đến trâu, ngựa... mỗi loài đều có những điểm giống nhau trong loài của mình. Người ta nhờ đó mà ghi nhớ.”

Vua hỏi: “Thế nào là nhớ những điều mình đã từng hay quên?”

Na-tiên đáp: “Ví như có những việc mình hay quên mất, nhiều lần được người khác nhắc nhở nên tự mình luôn tâm niệm về việc ấy, nhờ vậy mà ghi nhớ.”

Vua hỏi: “Thế nào là nhớ những điều mình hiểu rõ?”

Na-tiên đáp: “Ví như người học viết, chú ý tìm hiểu rõ về các con chữ nên ghi nhớ.”

Vua hỏi: “Thế nào là nhớ những điều mình đã tính toán, học làm theo?”

Na-tiên đáp: “Ví như người vừa tính toán việc gì, lại vừa tự mình học làm theo được hoàn tất, có thể phân biệt rất rõ ràng. Đó là nhờ có học hỏi, tính toán và làm theo mà nhớ.”

Vua hỏi: “Thế nào là mắc nợ nần nên nhớ?”

Na-tiên đáp: “Ví như người có món nợ, lúc nào cũng nhớ nghĩ đến. Như vậy gọi là mắc nợ nần cho nên nhớ.”



Vua hỏi: “Thế nào là nhờ chuyên tâm không tán loạn cho nên nhớ?”

Na-tiên đáp: “Ví như vị sa-môn nhờ tu tập có thể đạt đến chỗ nhất tâm, liền tự nhớ lại những việc từ ngàn vạn đời trước cho đến nay. Như vậy bản tạng gọi là nhờ chuyên tâm không tán loạn cho nên nhớ lại.”

Vua hỏi: “Thế nào là nhớ những điều đọc thấy trong sách vở?”

Na-tiên đáp: “Ví như các vị đế vương có những quyển sách rất cổ xưa. Nhờ đó biết được ngày trước có vị vua như thế, vào tháng năm như thế, đã ghi trong sách này... Như vậy là nhờ đọc sách mà nhớ biết việc trước kia.”

Vua hỏi: “Thế nào là nơi mình đã từng sống, nay nhìn thấy lại nên nhớ?”

Na-tiên đáp: “Như người có chỗ cư trú trước đây rất lâu xa, nay có dịp đến nhìn thấy lại liền nhớ biết.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

## **5. ĐỘ NGƯỜI CŨNG NHƯ TRỊ BỆNH**

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, có phải đức Phật rõ biết được hết các việc trong quá khứ cũng như trong tương lai?”

Na-tiên đáp: “Đúng vậy, Phật có thể rõ biết hết thảy.”

Vua hỏi: “Nếu như Phật đã rõ biết hết thảy mọi việc, tại sao không một lúc truyền dạy hết cho các vị đệ tử, lại phải tuần tự mà dạy mỗi khi một ít?”

Na-tiên hỏi vua: “Trong xứ bộ hạ có vị thầy thuốc nào chăng?”

Vua đáp: “Bạch đại đức, có.”

Na-tiên hỏi: “Vị thầy thuốc ấy có biết đủ các vị thuốc, bài thuốc chăng?”

Vua đáp: “Đã làm thầy thuốc trị bệnh, tất nhiên phải biết đủ.”

Na-tiên hỏi: “Vị thầy thuốc ấy khi trị bệnh, trong một lúc cho dùng tất cả các vị thuốc, bài thuốc, hay chỉ chờ đúng lúc mà dùng mỗi lần một ít?”

Vua đáp: “Như người chưa có bệnh, không thể cho thuốc. Đợi khi có bệnh, chọn thuốc mà cho.”

Na-tiên nói: “Đức Phật cũng như vậy. Tuy ngài biết đủ các việc trong quá khứ, hiện tại và tương lai, nhưng không thể trong

một lúc dạy hết cho người trong thiên hạ. Phải chọn đúng lúc, đúng người mà tuân tự dạy dỗ kinh điển, giới luật, khiến cho có thể nhận lãnh mà vâng làm theo.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

## 6. THUYỀN CHỞ ĐÁ

Vua lại hỏi: “Sa-môn các ngài dạy rằng: Người ta dù làm đủ các điều ác, cho đến khi trăm tuổi, lúc sắp chết quay lại niệm Phật. Như vậy sau khi chết liền được sanh lên cõi trời. Trẫm không tin điều ấy.

“Lại còn nói rằng: Chỉ cần giết hại một sanh mạng, khi chết phải đọa vào địa ngục. Trẫm lại càng không thể tin được!”

Na-tiên hỏi vua: “Này đại vương, như có người cầm hòn đá nhỏ ném xuống mặt nước. Đá ấy nổi hay chìm?”

Vua đáp: “Tất nhiên là chìm.”

Na-tiên lại hỏi: “Như có người lấy cả trăm hòn đá to mà xếp lên thuyền lớn, thuyền ấy có chìm không?”

Vua đáp: “Không chìm.”

Na-tiên nói: “Hàng trăm hòn đá to nhờ có chiếc thuyền nên không bị chìm. Người ta cũng vậy, tuy có làm các điều ác, nhưng nhờ biết hồi tâm niệm Phật, nên không bị đọa vào địa ngục. Sau khi chết được sanh lên cõi trời.

“Chỉ một hòn đá nhỏ rơi xuống nước tất phải chìm, cũng như người làm việc ác nhưng không được học biết kinh Phật.

Sau khi chết nhất định phải đọa vào địa ngục.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

## 7. VÌ SAO PHẢI LO TU HÀNH

Vua lại hỏi: “Sa-môn các ngài vì sao phải xuất gia lo việc tu hành, học đạo?”

Na-tiên đáp: “Chúng tôi vì thấy những sự khổ não trong quá khứ, trong hiện tại, biết là sẽ khổ trong tương lai, nên muốn dứt sạch các nỗi khổ đó, không muốn phải thọ nhận trở lại nữa. Vì vậy mà xuất gia tu hành học đạo.”

Vua lại hỏi: “Việc khổ não mà ngài nói đó là thuộc đời sau, vì sao đời này lại phải lo tu?”

Na-tiên hỏi: “Này đại vương, ngài có những kẻ thù địch nào thường muốn chờ dịp đến đánh phá chăng?”

Vua đáp: “Tất nhiên là có. Những nước đối nghịch với trăm thường luôn chờ dịp thuận tiện để đem quân đánh phá.”

Na-tiên hỏi: “Vậy đại vương đợi quân địch đến, rồi mới lo chuẩn bị việc chống cự, hay phải lo dự phòng mọi việc từ trước?”

Vua đáp: “Phải lo dự phòng, chuẩn bị chờ sẵn.”

Na-tiên hỏi: “Vì sao phải lo dự phòng, chuẩn bị chờ sẵn?”

Vua đáp: “Vì không thể biết quân địch sẽ đến lúc nào.”

Na-tiên lại hỏi: “Này đại vương, có thể đợi khi đói mới đi cày ruộng, gieo giống; lúc khát mới đi đào giếng chǎng?”

Vua đáp: “Không. Đều phải dự phòng, lo tính từ trước.”

Na-tiên nói: “Quân địch còn chưa đến, sao phải lo chuẩn bị? Chưa đến lúc đói khát, sao phải lo dự phòng?”

Vua tán thán: “Hay thay!”

## **8. SỰ HÓA HIỆN CỦA TÂM THỨC**

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như cõi Phạm thiên cách đây bao xa?”

Na-tiên đáp: “Rất xa. Giả như có khối đá lớn bằng cung điện của đại vương, từ cõi trời Phạm thiên mà rơi xuống, tảng đá ấy



phải rơi trong sáu tháng mới đến được đây.”

Vua hỏi: “Sa-môn các ngài có dạy rằng: Người đả quả A-la-hán, chỉ cần trong khoảng thời gian như người ta co duỗi cánh tay, có thể bay lên đến cõi Phạm thiên. Trẫm không tin điều ấy. Vượt qua đường dài cả ngàn vạn dặm, làm sao có thể nhanh như thế?”

Na-tiên hỏi vua: “Đại vương sanh ở xứ nào?”

Vua đáp: “Trẫm sanh ở xứ A-lê-tán, nước Đại Tần.”

Na-tiên hỏi: “Từ xứ A-lê-tán đến đây khoảng bao xa?”

Vua đáp: “Khoảng tám mươi ngàn dặm.”

Na-tiên hỏi: “Đại vương có bao giờ nhớ nghĩ lại những việc ở xứ ấy chẳng?”

Vua đáp: “Có, trẫm vẫn thường nghĩ nhớ về những việc trước đây ở nơi ấy.”

Na-tiên nói: “Bây giờ đại vương thử nghĩ đến một việc gì đã làm ở xứ ấy được chẳng?”

Vua đáp: “Được, trẫm đã nghĩ rồi.”

Na-tiên hỏi: “Đại vương đi về quãng đường tám mươi ngàn dặm sao nhanh vậy?”

Vua tán thán: “Hay thay!”

○ ○ ○

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như có hai người cùng chết một lúc. Một người sanh lên cõi Phạm thiên, một người sanh về xứ

Kê Tân, cách đây 2.700 dặm. Trong hai người, ai sẽ đến trước?”

Na-tiên đáp: “Cùng đến một lúc.”

Vua hỏi: “Đường xa gần khác nhau nhiều lắm, sao lại đến nơi cùng lúc?”

Na-tiên bảo vua: “Đại vương thử nghĩ đến xứ A-lê-tán được chăng?”

Vua đáp: “Trẫm đã nghĩ đến rồi.”

Na-tiên lại bảo: “Bây giờ nghĩ đến xứ Kê Tân được chăng?”

Vua lại đáp: “Trẫm đã nghĩ rồi.”

Na-tiên hỏi: “Đại vương nghĩ đến hai xứ ấy, nhanh chậm thế nào?”

Vua đáp: “Đều như nhau.”

Na-tiên nói: “Như hai người cùng chết một lúc. Một người sanh lên cõi Phạm

thiên, một người sanh về xứ Kế Tân, cũng đều giống nhau như thế.”

Na-tiên lại hỏi vua: “Như có hai con chim đang bay, một con đậu xuống cây đại thụ cao lớn. Cùng lúc ấy, con chim kia đậu xuống một cây cành lá nhỏ bé. Hai con chim cùng đậu xuống, bóng con chim nào in lên mặt đất trước?”

Vua đáp: “Đều cùng lúc như nhau.”

Na-tiên nói: “Như hai người cùng chết một lúc. Một người sanh lên cõi Phạm thiên, một người sanh về xứ Kế Tân, cũng đều đến cùng lúc như nhau vậy.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

## **9. NHÂN DUYÊN HIẾU ĐẠO**

Vua lại hỏi Na-tiên: “Bạch đại đức, người ta nhờ vào những việc gì để có thể học hiểu đạo.”

Na-tiên đáp: “Nhờ vào bảy việc để có thể học hiểu đạo. Những gì là bảy việc? Một là nghĩ nhớ các điều thiện, ác. Hai là nỗ lực tinh tấn. Ba là vui với chánh đạo. Bốn là điều phục tâm ý làm theo điều lành. Năm là luôn nghĩ nhớ đến chánh đạo. Sáu là nhất tâm. Bảy là gặp việc không sanh lòng ưa thích hoặc ghét bỏ.”

Vua hỏi: “Người ta phải dùng đến cả bảy việc ấy mà học hiểu đạo sao?”

Na-tiên đáp: “Không cần phải dùng cả bảy việc ấy mới có thể học hiểu đạo. Như người có trí, dùng trí để phân biệt các việc thiện ác, ấy là chỉ cần dùng một việc mà phân biệt được vậy.”

Vua lại hỏi: “Như nói chỉ cần dùng một việc có thể biết như vậy, vì sao phải thuyết dạy đến bảy việc?”

Na-tiên hỏi: “Như người để con dao trong bao da, đứng dựa vào tường, dao ấy có tự cắt được vật gì chẳng?”

Vua đáp: “Không.”

Na-tiên nói: “Tâm người cũng vậy, dù đã sáng tỏ, hiểu đạo, cũng phải nhờ thực hành đủ các việc khác mới có thể cắt đứt phiền não ái dục, thành tựu đạo giải thoát được.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

## 10. THIỆN ÁC VÀ TỘI PHƯỚC

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như người làm điều thiện nhỏ có thể được phước lớn

chăng? Làm điều ác lớn có phải bao giờ cũng chịu họa lớn chăng?”

Na-tiên đáp: “Người làm điều thiện nhỏ có thể được phước lớn. Người làm điều ác lớn có thể chỉ chịu họa nhỏ. Đó là khi người làm điều ác ngày đêm hối lỗi, thì điều ác ấy cũng ngày đêm vơi bớt mà nhỏ đi. Người làm điều thiện ngày đêm nghĩ đến đều thấy hoan hỷ vui mừng, nên được phước rất lớn.

“Như lúc Phật còn tại thế, có người bị cụt tay chân, thành tâm dâng cúng cho Phật chỉ một cành hoa sen. Khi ấy Phật dạy chư tỳ-kheo rằng: ‘Người cụt tay chân này, từ nay về sau trải qua chín mươi một kiếp không bị đọa vào các đường dữ là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, được sanh lên cõi trời. Sau khi mãn phước ở cõi trời rồi, được sanh trở lại làm người.’

“Do chuyện ấy, bần tăng biết là người làm điều thiện nhỏ có thể được phước lớn.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như người trí làm ác và người ngu làm ác, người nào chịu họa lớn hơn?”

Na-tiên đáp: “Người ngu chịu họa lớn, người trí chịu họa nhỏ.”

Vua nói: “Không thể như lời đại đức nói được. Như theo phép trị nước của trăm thì quan lớn có lỗi xem là tội nặng, người dân không biết mắc lỗi thì xem là tội nhẹ. Cứ như lý ấy mà xét, thì người trí làm ác phải chịu họa lớn, kẻ ngu làm ác phải chịu họa nhỏ vậy.”

Na-tiên hỏi: “Ví như có hòn sắt đốt nóng bỏ xuống đất. Có hai người, một người



biết đó là hòn sắt nóng, một người không biết. Hai người đều buộc phải nắm lấy hòn sắt ấy, vậy người nào bị bỏng nặng hơn?”

Vua nói: “Người không biết phải bị bỏng nặng hơn.”

Na-tiên nói: “Cũng như vậy đó. Người ngu làm việc ác không biết để hỏi lỗi, nên thế nào cũng sẽ mắc họa lớn. Người trí như có lỗ làm việc ác, liền biết đó là việc không nên làm, ngày ngày thường hỏi lỗi, vì vậy mà sẽ mắc họa nhỏ thôi.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

## **11. NGƯỜI ĐẮC ĐẠO VÀ CÁC VIỆC LẠ**

Vua lại hỏi: “Người ta có thể nào dùng thân thể này mà bay trên hư không, lên đến cõi Phạm thiên, hoặc xuống thấp tận cõi Uất-đan-việt, hay là đến những nơi theo ý muốn được chăng?”

Na-tiên đáp: “Có thể được.”

Vua hỏi: “Làm sao có thể được như vậy?”

Na-tiên hỏi vua: “Đại vương nhớ lại lúc thiếu thời, có lúc nào chơi đùa nhảy cao khỏi mặt đất chừng một trượng chăng?”

Vua đáp: “Có. Khi chơi đùa, có lúc trẫm nhảy cao đến hơn một trượng.”

Na-tiên nói: “Người đắc đạo rồi, như trong ý muốn nhảy lên đến cõi Phạm thiên, hoặc xuống cõi Uất-đan-việt, cũng chỉ giống như vậy thôi.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

Vua lại hỏi: “Sa-môn các vị dạy rằng: Có lóng xương dài đến bốn ngàn dặm. Làm sao lại có lóng xương dài đến như thế?”

Na-tiên hỏi: “Đại vương có nghe nói ngoài biển lớn có giống cá gọi là cá chát, thân nó dài đến hai mươi tám ngàn dặm hay chằng?”

Vua đáp: “Đúng là có như vậy, trẫm đã từng nghe nói.”

Na-tiên nói: “Như con cá ấy, thân dài hai mươi tám ngàn dặm, vậy lóng xương hông chỉ dài bốn ngàn dặm, sao đại vương lại lấy làm lạ?”

## 12. NGỪNG HỜI THỞ

Vua hỏi: “Sa-môn các vị dạy rằng: Người tu hành có thể đoạn dứt cả hơi thở. Làm thế nào có thể đoạn dứt được hơi thở?”

Na-tiên hỏi: “Này đại vương, đại vương có từng nghe nói người có ý chí chẳng?”

Vua đáp: “Trẫm có nghe.”

Na-tiên hỏi: “Vậy đại vương có nghĩ là ý chí ấy ở trong thân người chẳng?”

Vua đáp: “Theo trẫm nghĩ thì đúng là ý chí ấy ở trong thân người.”

Na-tiên nói: “Này đại vương, như đại vương nói đó là đối với những người ngu si vô trí, không thể chế phục được thân và miệng, không thể thọ trì và làm theo kinh điển, giới luật của Phật. Những người như vậy, thân thể họ cũng không thể đạt đến sự an vui.

“Còn như người học đạo tu hành, có thể chế phục được thân và miệng, có thể thọ trì và làm theo kinh điển, giới luật của Phật, nên có thể đạt đến nhất tâm, chứng đắc tứ thiền, khi ấy có thể không cần phải giữ hơi thở như người thường.”

Vua tán thán: “Hay thay!”

### **13. TRÍ TUỆ CỦA NGƯỜI ĐẮC ĐẠO**

Vua hỏi: “Bạch đại đức, như người ta gọi tên biển, vì sao gọi như vậy? Hoặc giả gọi nước là biển chẳng? Hoặc do điều gì mà gọi tên là biển?”

Na-tiên đáp: “Gọi tên là biển, bởi vì trong nước biển có một nửa phần là muối.”

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như người sau khi đã đắc đạo, có thể suy xét thấu đáo những việc huyền vi sâu xa hay chẳng?”

Na-tiên đáp: “Tất nhiên là vậy. Người sau khi đắc đạo rồi có thể suy xét thấu đáo những việc huyền vi sâu xa. Như kinh điển của Phật truyền dạy chính là những việc huyền vi sâu xa nhất, không thể ước lượng hết, nhưng lấy cái trí của người sau khi đắc đạo thì đều có thể hiểu thấu được.”

Vua tán thán rằng: “Hay thay!”

Vua lại hỏi: “Bạch đại đức, như giữa thức, trí và tánh, ba điều ấy có giống nhau hay chẳng? Hay khác biệt nhau?”

Na-tiên đáp: “Thức lấy sự nhận biết làm chính, trí có thể hiểu được đạo, còn tánh

thì như hư không. Ba điều ấy không phải là bản ngã.”

Vua hỏi: “Vậy phải do đâu mà nhận được bản ngã? Mắt thấy hình sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương, lưỡi biết vị, thân biết phân biệt mềm mại hay thô nhám, ý biết phân biệt các việc thiện ác. Trong những điều ấy nên nhận đâu là bản ngã?”

Na-tiên hỏi vua: “Như nói bản ngã ở trong thân, qua con mắt mà nhìn ra cảnh vật, vậy khoét bỏ con mắt đi, có thể nhìn thấy xa hơn chăng? Khoét rộng tai ra, có nghe được xa hơn chăng? Khoét mũi rộng ra, có thể ngửi được nhiều mùi hương hơn chăng? Mở miệng rộng hơn, có biết được nhiều vị hơn chăng? Cắt lột da ra, có nhận biết xúc chạm nhiều hơn chăng? Diệt bỏ ý chí, có làm cho tư tưởng mạnh mẽ hơn chăng?”

Vua đáp: “Đều không phải.”

Na-tiên nói: “Này đại vương! Đại vương nên biết rằng, việc Phật đã làm được là rất khó. Chỗ hiểu biết của Phật là rất thâm sâu, vi diệu.

“Lời Phật nói có thể thấu trong lòng người, mắt nhìn thấy sự việc đều có thể giải thích rõ. Chẳng những giải được những việc mắt thấy, cả những việc tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân chạm, đều có thể giải rõ. Ngài cũng có thể giải rõ các việc thành bại, trừ được các mối nghi, giải rõ các ý nghĩ, giải rõ cả những việc thần bí.

“Này đại vương! Như người ta ngậm một ngụm nước biển vào miệng, có thể phân biệt được trong ấy là bao nhiêu phần nước



suối, hoặc nước của sông này, sông kia... đã chảy ra biển hay chãng?”

Vua nói: “Các dòng nước đều đã hợp nhất, không thể phân biệt được.”

Na-tiên nói: “Việc mà Phật làm được cũng khó khăn như phân biệt các vị nước khác nhau trong nước biển vậy. Nay việc nước biển là việc trước mắt mà đại vương còn không thể phân biệt biết rõ, huống chi thần thức không thể biết được trong thân thể, vốn có sáu việc không thể thấy?

“Sáu việc ấy, đức Phật đều đã giảng rõ là: từ tâm niệm đến chỗ mắt thấy, từ tâm niệm đến chỗ tai nghe, từ tâm niệm đến chỗ mũi ngửi, từ tâm niệm đến chỗ lưỡi nếm, từ tâm niệm đến chỗ thân xúc chạm phân biệt các sự khổ, vui, lạnh, nóng, thô, cứng.

“Tùy chỗ tâm niệm hướng đến, Phật đều có thể phân biệt giải rõ.”

Vua tán thán: “Hay thay! Hay thay!”

#### IV. ĐOẠN KẾT

Khi ấy, đại đức Na-tiên nói: “Đã quá nửa đêm rồi, bần tăng xin được cáo lui.”

Vua lập tức sai các quan cận thân lấy bốn tấm vải cuộn lại, tẩm dầu vào và đốt lên thành đuốc để đưa đại đức Na-tiên về. Vua bảo các cận thần rằng: “Các người phải hầu hạ đại đức giống như hầu hạ trăm.”

Các quan đều tuân mệnh.

Vua lại nói: “Nếu được bậc thầy như đại đức Na-tiên đây, lại được người đệ tử như

ta, thì đạo pháp có thể nhanh chóng đạt đến vậy.”

Những điều vua hỏi đều được Na-tiên trả lời cặn kẽ, nên vua hết sức hoan hỷ, vui mừng.

Vua sai xuất kho lấy ra một tấm áo giá trị đến mười vạn quan tiền để dâng cúng cho đại đức Na-tiên. Vua lại nói: “Từ nay về sau, nguyện đại đức cùng với tám mươi vị sa-môn ngày ngày thọ nhận sự cúng dường của trăm, từ sự ăn uống cho đến bất cứ những món gì mà các vị cần đến. Trăm xin được cung cấp tất cả.”

Na-tiên nói: “Đại vương! Chúng tôi đều là những kẻ tu hành, không có tham muốn gì cả.”

Vua nói: “Tuy vậy, đại đức cũng nên tự giữ mình và giữ gìn giúp cho trăm nữa.”

Na-tiên hỏi: “Thế nào là tự giữ mình, và giữ gìn cho đại vương?”

Vua nói: “Nhu đại đức không nhận sự cúng dường của trăm, người đời sẽ bàn tán, dị nghị.

“Hoặc cho rằng trăm tham tiếc, keo lặn. Đại đức đã vì trăm giải đáp hết thảy các điều nghi vấn, mà lại không có gì ban thưởng.

“Hoặc cũng có thể nói rằng: Đại đức Na-tiên không giải đáp được những điều hoài nghi của vua, nên không được ban thưởng.

“Nhu đại đức thọ nhận, sẽ giúp cho trăm đây được phần phước đức, mà đại đức cũng giữ được danh thơm.”

Vua lại nói: “Bạch đại đức, như con sư tử bị nhốt ở trong lồng bằng vàng, trong lồng vẫn thường mong muốn được tự do. Trẫm ngày nay tuy làm vị quốc vương, ở trong cung điện này, nhưng lòng thật chẳng được vui, chỉ mong muốn được lìa bỏ việc nước để xuất gia học đạo.”

Vua nói xong, Na-tiên từ biệt trở về chùa.

Na-tiên ra về rồi, vua một mình tự nghĩ: “Trẫm đã hỏi đại đức Na-tiên những việc gì? Na-tiên đã vì trẫm giảng giải những việc gì?”

Rồi vua tự nghĩ rằng: “Những gì trẫm đã hỏi, Na-tiên đã giải đáp hết, không còn việc gì nữa!”

Đại đức Na-tiên về đến chùa cũng tự nghĩ rằng: “Nhà vua đã hỏi ta những việc gì? Ta đã giải đáp cho vua những việc gì?”

Rồi ngài tự nghĩ: “Những gì vua đã hỏi, ta đều đã giải đáp hết rồi!”

Hai người đều suy nghĩ như vậy cho đến khi trời sáng.

Sáng hôm sau, đại đức Na-tiên đắp y mang bát đến cung vua, vào thẳng trong điện mà ngồi. Vua liền đến trước ngài làm lễ, rồi cũng ngồi xuống một bên.

Vua thưa với đại đức Na-tiên rằng: “Bạch đại đức, đêm hôm qua khi đại đức ra về rồi, trẫm một mình tự suy nghĩ về những việc đã hỏi đại đức, thấy rằng hết thảy mọi việc đều đã được giải thích rõ ràng. Trẫm nghĩ như vậy rồi, trong lòng rất hoan hỷ, nằm yên không ngủ cho đến sáng.”

Na-tiên nói: “Này đại vương, đêm hôm qua khi bản tăng về đến chùa rồi, cũng

suy nghĩ lại những điều đại vương đã hỏi, thấy rằng mọi việc đều đã được giải thích rõ ràng. Bàn tăng nghĩ như vậy rồi, trong lòng rất hoan hỷ, nằm yên không ngủ cho đến sáng.”

Nói xong, Na-tiên cáo từ ra về. Vua đứng dậy làm lễ tiễn chân.